

Giới thiệu Bắc Hành Tập Lục (BHTL)

Bắc Hành Tập Lục (BHTL) gồm 132 bài thơ chữ Hán của Nguyễn Du sáng tác trong vòng 1 năm, từ tháng hai đến tháng chạp năm Quý Dậu (1813) khi ông cầm đầu một phái đoàn sang sứ Trung Quốc. Mở đầu quyển là bài cảm tác khi trở ra Thăng Long để lên đường sang Trung Quốc. Bài cuối làm khi trở về đến Võ Xương (Hồ Bắc), từ đó lên thuyền trở về, nên không có đề tài ngâm vịnh nữa. Thơ ghi chép những điều trông thấy, những cảm nghĩ dọc đường.

Đường đến Yên Kinh đã dài, khi về phải tránh giặc giã mà đi vòng sang phía đông, rồi trở lại Vũ Hán, nên nhà thơ đã đi qua nhiều tỉnh: Quảng Tây, Quảng Đông, Hồ Nam, Hồ Bắc, Hà Nam, Hà Bắc, Sơn Tây, Sơn Đông, Giang Tô, An Huy và trở lại con đường cũ.

Nguyễn Du

BHTL001 Thăng Long đệ nhất thủ

I

Tản Lĩnh Lô Giang tuế tuế đồng
Bạch đầu do đắc kiến Thăng Long
Thiên niên cự thất thành quan đạo
Nhất phiến tân thành một cổ cung
Tương thức mỹ nhân khan bão tử
Đồng du hiệp thiếu tẫn thành ông
Quan tâm nhất dạ khổ vô thụ
Đoản địch thanh thanh minh nguyệt trung

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Núi Tản sông Lô bao nhiêu năm vẫn thế
Đầu đã bạc (1) rồi mà lại thấy Thăng Long
Những ngôi nhà đồ sộ ngày xưa nay đã thành đường cái quan.
Dải thành mới làm mất cung điện xưa
Các mỹ nhân ngày trước giờ đã có con bông
Các bạn hào hiệp thuở xưa giờ đã thành ông
Suốt đêm nghĩ ngợi, thao thức không ngủ
Văng vẳng nghe tiếng sáo trong ánh trăng

(1) Bạch đầu : Chữ bạch đầu này dùng để nói tuổi già. Bởi Nguyễn Du rời Thăng Long lúc nhà Lê mất (1789). Lúc ấy Nguyễn Du mới 25 tuổi. Đến khi Gia Long lên ngôi (1802) Nguyễn Du từ Hà Tĩnh ra Thăng Long làm quan. Lúc ấy Nguyễn Du 37 tuổi. Đến khi vâng mệnh đi sứ Trung Hoa (1813), Nguyễn Du đến Thăng Long một lần nữa. Bài thơ này làm lúc ra Thăng Long để sang Trung Quốc. Lúc đó Nguyễn Du đã gần ngũ tuần. Cho lên mới nói Bạch đầu do đắc kiến Thăng Long.

Dịch Thơ

Thăng Long bài I

Núi Tản sông Lô vẫn núi sông
Bạc đầu còn được thấy Thăng Long
Nghìn năm cự thất thành quan lộ
Một giải tân thành lấp cổ cung
Người đẹp buổi xưa đều bé trẻ
Bạn chơi thuở nhỏ thấy thành ông
Thâu đêm chẳng ngủ lòng thêm bận
Địch thổi trắng trong tiếng náo nùng

Bản dịch: Quách Tấn

BHTL002 Thăng Long đệ nhị thủ

II

Cổ thời minh nguyệt chiếu tân thành
Do thị Thăng Long cự đế kinh
Cù hạng tứ khai mê cự tích
Quản huyền nhất biến tạp tân thanh
Thiên niên phú quý cung tranh đoạt
Tảo tuế thân bằng bán tử sinh
Thế sự phù trầm hưu thán tức
Tự gia đầu bạch diệc tinh tinh

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Mảnh trăng ngày trước soi xuống ngôi thành mới (thành Thăng Long vừa được xây lại năm 1805).
Đây vẫn là Thăng Long, đế kinh của các triều vua xưa.
Đường xá dọc ngang, xóa mất dấu vết cũ.
Tiếng đàn sáo cũng đổi khác, lẫn nhiều âm thanh mới.
Nghìn năm phú quý vẫn làm mồi cho sự tranh đoạt.
Bạn bè lúc nhỏ, kẻ còn người mất.
Thôi, đừng than thở cho cảnh đời chìm nổi.
Mái tóc ta đây cũng bạc rồi.

Dịch Thơ

Thăng Long bài II

Thành mới trăng xưa bóng tỏ mờ
Thăng Long nghìn trước chốn kinh đô
Dấu xưa khuất lấp đường xe ngựa
Điệu mới xô bồ nhịp trúc tơ
Danh lợi mồi ngon đua cướp giật
Bạn bằng lớp trước sống lơ thơ
Nổi chìm thế sự đừng than nữa
Mái tóc mình đây cũng bạc phơ

Bản dịch: Quách Tấn

BHTL003 Ngộ gia đệ cữ ca cơ

Phồn hoa nhân vật loạn lai phi
Huyền hạc qui lai kỷ cá tri
Hồng tỵ tăng văn ca uyển chuyển
Bạch đầu tương kiến khốc lưu ly
Phúc bồn dĩ hỉ nan thu thủy
Đoạn ngẫu thương tai vị tuyệt ti
Kiến thuyết giá nhân dĩ tam tử
Khả liên do trước khứ thời y

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Sau buổi loạn lạc, nhân vật nơi chốn phồn hoa đã khác xưa.
Con chim hạc đen bay trở lại, nào mấy ai biết? (1)
Ta từng nghe giọng ca uyển chuyển của nàng lúc xưa mặc áo hồng. (2)
Nay đầu đã bạc, mới gặp lại nhau, nghe nàng than thở nỗi lưu ly.
Chậu nước đã đổ rồi, khó lòng vét lại. (3)
Thương cho ngó sen đã đứt mà tơ vẫn còn vương.
Nghe nói nàng đã có chồng và đã có ba con.
Ái ngại thay nàng vẫn phải mặc cái áo xưa (vẫn làm ca cơ).

Gia đệ : Em, có thể là em cùng mẹ, mà cũng có thể là em khác mẹ. Đây có thể chỉ người em cùng mẹ là Nguyễn Úc được tập âm là Hoàng Tín đại phu Trung Thành Môn Vệ Úy. Năm Kỷ Dậu (1789) vua Chiêu Thống chạy sang Tàu, Nguyễn Úc chạy theo không kịp, về ngụ nơi quê vợ, làng Phù Đồng, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh. Năm Tân Vị (1811), Gia Long nghe ông có tài khéo, xuống chiếu triệu vào kinh, bổ làm Thiêm Sự bộ Công, tước Hầu. Những miếu điện ở kinh thành đều do ông sáng chế kiểu thức.

(1) Chim hạc đen: Truyền rằng hạc vốn sắc trắng, tu nghìn năm thành sắc vàng, tu nghìn năm nữa ra sắc đen. Câu này ý nói, xa Thăng Long lâu này nay mới trở lại.

(2) Hồng tỵ: Tay áo hồng, chỉ áo đào hát thường mặc.

(3) Phúc bồn : Chậu nước đổ. Tục có câu : "Phúc thủy nan thu" nghĩa là nước đổ rồi khó hốt lên được. Ý nói là người ca cơ đã xa em mình rồi không sao tụ hợp được nữa.

Dịch Thơ

Gặp lại người ca cơ cũ của em

Loạn rồi nhân vật đổi thay,
Phồn hoa chốn cũ ai hay hạc về.
Áo hường tưởng dạng cung Nghê,
Tiếng ca uyển chuyển từng nghe những ngày.
Tuổi già gặp lại nhau đây,
Bước đường lưu lạc lệ đầy thương đau.
Đã đành nước đổ khôn thu,
Than ôi ! Ngó đứt dề đầu đứt tơ!
Có chồng đã mấy con thơ,
Áo hường ngày cũ bây giờ còn mang!

BHTL004 Long Thành cầm giả dẫn

Long thành giai nhơn
Bất ký danh tự
Độc thiện huyền cầm
Cử thành chỉ nhơn dĩ Cầm danh
Học đắc tiên triều cung trung Cung Phụng khúc
Tự thị thiên thượng nhơn gian đệ nhất thanh
Dư tại thiếu niên tăng nhứt kiến
Giám Hồ hồ biên dạ khai yển
Thử thời tam thất chánh phương niên
Xuân phong yểm ánh đào hoa diện
Đà nhan hám thái tối nghi nhơn
Lịch loạn ngũ thanh tùy thủ biến
Hoãn như lương phong độ từng lâm
Thanh như chích hạc minh tại âm
Liệt như Tiến Phúc bi đầu toái phích lịch
Ai như Trang Tích bịnh trung vì Việt ngâm
Thính giả mỹ mỹ bất tri quyện
Tận thị Trung Hòa Đại Nội âm
Tây Sơn chư thần mãn tọa tận khuynh đảo
Triệt dạ truy hoan bất tri hiểu
Tả phao hữu trịch tranh triền đầu
Nê thổ kim tiền thù thảo thảo
Hào hoa ý khí lãng công hầu
Ngũ lăng niên thiếu bất túc đạo
Tính tương tam thập lục cung xuân
Hoán thủ Trường an vô giá bảo
Thử tịch hồi đầu nhị thập niên
Tây Sơn bại hậu dư Nam thiên
Chỉ xích Long Thành bất phục kiên (kiến)
Hà hướng thành trung ca vũ diên
Tuyên phủ sứ quân vị dư trùng mãi tiểu
Tịch trung ca kỹ giai niên thiếu
Tịch mặt nhứt nhơn phát bán hoa
Nhan xú thần khô hình lược tiểu
Lang tạ tàn mỹ bất sức trang
Thùy tri tiên thị đương niên thành trung đệ nhứt điệu
Cự khúc tân thanh ám lệ thù
Nhĩ trung tĩnh thính tâm trung bi
Mãnh nhiên ức khởi nhị thập niên tiền sự
Giám Hồ hồ biên tăng kiến chi
Thành quách suy dĩ nhơn sự cải
Kỷ độ tang điền biến thương hải
Tây Sơn cơ nghiệp nhứt đán tận tiêu vong
Ca vũ không lưu nhứt nhơn tại
Thuần tức bách niên tăng kỷ thì
Thương tâm vãng sự lệ triêm y
Nam hà quy lai đầu tận bạch
Quái đễ giai nhơn nhan sắc suy
Song nhãn trùng trùng không tưởng tượng
Khả liên đối diện bất tương tri

Nguyễn Du

Dịch Thơ

Chuyện người gảy đàn ở Thăng Long

Thành Thăng Long nhớ từ thừa nọ
Bạc giai nhân tên họ ai hay
Đàn cầm thánh thoát mấy dây
Khắp thành quen miệng gọi ngay Nàng Cầm
“Cung Phụng khúc” xưa ngâm trong Nội
Phổ nên chương tiếng nổi một thời
Nhớ ngày đương độ vui chơi
Giám hồ yến tiệc gặp người tài hoa
Tuổi hăm một nỏ nà lộng lẫy
Gió xuân êm hây hây bông đào
Men tô duyên nảo nùng sao
Ni non năm tiếng thấp cao tuyệt vời
Theo tay ngọc lòng người ủ rữ
Tiếng bổng trầm to nhỏ miên man
Khoan như gió lướt thông ngàn
Trong như tiếng hạc lạc đàn kêu sương
Mạnh như sấm phủ phàng xé đá
Tiến Phúc bia nổ phá âm âm
Buồn như khúc Việt ai ngâm
Nổi lòng Trang Tích âm thầm mà đau
Điệu êm ả nghe lâu chẳng mỏi
Chính khúc này đại nội triều xưa
Tây Sơn quân tướng thần thờ
Ngả nghiêng đến sáng còn chưa thỏa lòng
Quăng lụa thưởng tây đông tíu tí
Vàng tựa bùn cứ việc vung tay
Công hầu hào khí đua say
Ngũ lăng niên thiếu một bày sá chi
Đạo khúc xuân diễm kỳ là lướt
Băm sáu cung thánh thót xinh xinh
Tràng An treo ngọc liên thành
Phẩm cao vô giá, tài tình riêng ai
Thoảng hai chục năm trời từ đây
Tây Sơn thua, ta thấy Nam Hà
Long Thành gang tấc còn xa
Điệu xưa nhớ mấy cũng là đành thôi
Tuyên phủ sứ lại mời dự tiệc
Thiếu chi người may biếc má hồng
Cuối bàn phảng phất nảo nùng
Một nàng đầu tóc hình dung bợ phờ
Mình gầy vơ may thừa duyên nhạt
Ai biết nàng oanh liệt xưa kia
Khúc đầu lệ chảy đầm đìa
Khiến người nghe những mê mê xót thảm
Chợt nhớ lại bao năm chuyện cũ
Từng bên ai vui thú hồ xưa
Thành tàn duyên cũng xác xơ
Ngâm ngùi mấy cuộc biển mờ dâu xanh
Rồi một sớm bại thành là thế

Cầm khúc ca trời để một người
Trăm năm một thoáng bao dài
Ngậm ngùi chuyện cũ cho đời buồn đau
Ở Nam về, mái đầu đã bạc
Người đẹp xưa cũng khác hình xưa
Giương đôi mắt ngó mà mơ
Thảm thay ai biết bây giờ là ai

bản dịch: Học Canh

BHTL005 Quĩ Môn quan

Liên phong cao sáp nhập thanh vân
Nam bắc quan đầu tỵ thử phân
Như thử hữu danh sinh tử địa
Khả liên vô số khứ lai nhân
Tắc đồ từng mãng tàng xà hồ
Bố dã yên lam tỵ quĩ thần
Chung cổ hàn phong xuy bạch cốt
Kỳ công hà thử Hán Tướng quân

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa
Núi liên tiếp, cao vút tận mây xanh.
Nam bắc chia ranh giới ở chỗ này
Là nơi nổi tiếng nguy hiểm đến tính mạng.
Thương thay, bao nhiêu người vẫn phải đi về qua đây.
Bụi gai lấp đường, mãng xà, hồ tha hồ ẩn nấp.
Khí độc đầy đồng, quĩ thần mặc sức tỵ họp.
Từ thuở xa xưa, gió lạnh đã thổi bao đông xương trắng.
Chiến công của tướng nhà Hán (1) có gì đáng khen!

Quĩ Môn quan : Ở phía Nam xã Chi Lăng tỉnh Lạng Sơn. Địa thế hiểm trở. Có núi hình như đầu quĩ. Do đó mà mệnh danh là Quĩ Môn quan. Cổ thi có câu :

Quĩ Môn quan ! Quĩ Môn quan !
Thập nhân khứ, nhất nhân hoàn

Người Việt đi sứ Trung Quốc có câu :

Rạng ngày đến Quĩ Môn quan
Tiếng xưa "thập khứ nhất hoàn" là đây

(1) Hán Tướng quân : Chi Mã Viện. Mã Viện đem quân đánh hai bà Trưng, tuy đắc thắng nhưng quân lính chết dọc đường không biết bao nhiêu. Như thế có gì là chiến công đáng khen ngợi. Cũng có ý nói : Kỳ công của tướng quân nhà Hán không có chi hơn là "đông xương trong gió lạnh bên đường. "

Dịch Thơ
Ái Quĩ Môn

Núi trập trùng giăng đỉnh vút mây,
Ái chia Nam Bắc chính là đây.
Tử sanh tiếng đã vang đồng chợ,
Qua lại người không ngớt tháng ngày.
Thấp thoáng quĩ đầu nương bóng khói,
Rập rình cộp rần núp rừng cây.
Bên đường gió lạnh luồng xương trắng,
Hán tướng công gì kể bấy nay?

Bản dịch: Quách Tấn

BHTL006 Lặng thành đạo trung

Quần phong dũng lẫm thạch minh đào
Giao hữu u cung, quyền hữu sào
Tuyền thủy hợp lưu giang thủy khoát
Tử sơn bất cập mẫu sơn cao
Đoàn thành vân thạch tịch tương hậu
Hồng lĩnh thân bằng nhật tiệm dao
Quái đắc nhu tình khinh cát đoạn
Khuông trung huê hữu bút như đao

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa
Núi non trập trùng, gió thổi vào đá, nghe như sóng vỗ.
Ở đây, thường luồng có hang kín, đồ quyền cũng có tổ.
Nước suối ở đây hợp lại thành sông rộng.
Núi con không cao bằng núi mẹ.
Mây đá Đoàn thành chiều hôm nay như có ý đợi ta.
Thân bằng cố hữu ở núi Hồng Lĩnh càng ngày càng xa cách.
Quái lạ, nổi nhớ nhung lại dễ cắt đứt.
Khi tráp có ngọn bút thay đao (để khuấy khỏa).

Lặng thành: Lặng sơn.

Dịch Thơ
Trên đường đi Lặng thành

Núi trập trùng, sóng kêu trên đá
Tổ nương chim, hang đã có rồng
Suối gom dòng nhỏ thành sông
Núi con độ núi Mẹ không cao bằng
Chiều Lặng Sơn, mây giăng đá ngóng
Hồng Lĩnh thân sao chóng cách xa
Lạ chưa, dứt nhẹ tình nhà
Đoạn sầu ngọn bút theo ta bạn đường ...

Bản dịch: Đặng Thế Kiệt

BHTL007 Lưu biệt cựu khế Hoàng

Táp niên cố hữu trùng phùng nhật
Vạn lý tiền đồ nhất xúc sơ
Đạo lộ nhật lai tình vị cánh
Vân sơn biệt hậu ý hà như
Trướng nhiên phân thủ trùng quan ngoại
Lão hỷ toàn thân bách chiến dư
Tha nhật Nam qui tương hội phòng
Lục Đầu giang thượng hữu tiêu ngư

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Ngày gặp lại người bạn cũ của ba mươi năm trước.
Cũng là ngày tôi bắt đầu cuộc hành trình vạn dặm.
Chưa kể hết những nỗi dọc đường những ngày gần đây.
Sau khi chia tay nhau ở chốn núi mây, ý bạn ra sao ?
Hai ta chia tay nhau ngoài cửa quan, lòng buồn khôn xiết.
Anh trải qua trăm trận đánh, thân thể vẹn toàn, nhưng nay đã già rồi.
Sau này trở về nước, gặp lại anh, hỏi thăm nhau.
Chắc bây giờ trên sông Lục Đầu, anh đã là một bác tiêu phu, hay người đánh cá, cũng chưa biết chừng!

Cựu khế Hoàng: Người bạn cũ họ Hoàng, không rõ tên. Theo bài thơ thì ông này chắc quê ở tỉnh Hải Hưng, bấy giờ làm quan ở Lạng Sơn và chắc có lẽ là ông quan võ.

Dịch Thơ

Từ biệt bạn cũ họ Hoàng

Ba mươi năm cũ gặp đây,
Lên đường vạn dặm cũng ngày tôi đi.
Tình thâm ơi, biết nói gì,
Núi mây ly biệt ý thì ra sao ?
Muôn trùng quan ải tay chào,
Mừng người bách chiến không sao tuổi già.
Về Nam mai một lân la,
Lục Đầu bến nước hỏi tra ngư tiêu.

Bản dịch: Đặng Thế Kiệt

BHTL008 Trần Nam Quan

Lý Trần cự sự điều nan tâm
Tam bách niên lai trực đảo câm (kim)
Lưỡng quốc bình phân cô lũy diện
Nhất quan hùng trấn vạn sơn tâm
Địa thiên mỗi vị truyền văn ngộ
Thiên cận tài tri giáng trạch thâm
Đế khuyết hồi đầu bích vân biểu
Quân thiêu nhĩ bạn hữu dư âm

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Việc cũ đời Lý, Trần xa xôi khó biết.
Chỉ biết cửa ải này có đến ngày nay đã ba trăm năm.
Bức thành lẻ loi phân chia hai nước,
Cửa ải hùng vĩ đứng trấn giữa muôn nghìn núi non.
Cách xa nhau, thường có những lời đồn đãi không đích xác, dễ hiểu lầm.
Gần trời mới biết ơn mưa móc thấm sâu đường nào.
Quay đầu trông về cửa khuyết ở ngoài tầng mây biếc.
Bên tai còn nghe văng vẳng tiếng nhạc quân thiêu.

Dịch Thơ

Trần Nam Quan

Việc Lý Trần xa xưa khó xét,
Ba trăm năm trước đến ngày nay.
Ngã chia hai nước, thành còn đó,
Hùng tráng muôn non, cửa vẫn đây.
Đất xa hay nghe đồn chuyện nhảm,
Trời gần mới biết đội ơn dày.
Trông về cửa khuyết ngoài mây biếc,
Văng vẳng quân thiêu tiếng nhạc bay.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

BHTL009 Nam Quan đạo trung

Ngọc thư phùng há ngũ vân đoàn
Vạn lý đản xa độ Hán quan
Nhất lộ giai lai duy bạch phát
Nhị tuần sở kiến đần thanh san
Quân ân tự hải hào vô báo
Xuân vũ như cao cốt tự hàn
Vượng đạo đẳng bình hưu vắn tẩn
Minh Giang bắc thượng thị Trường An

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Chiếu của nhà vua từ tầng mây năm sắc ban xuống (1)
Trên đường muôn dặm, chiếc xe lẻ loi vượt Hán quan. (2)
Suốt dọc đường cùng ta chỉ có mái tóc bạc
Cả hai mươi ngày chỉ thấy một màu núi xanh
Ơn vua như biển chưa mây may báo đáp
Mưa xuân như mỡ lạnh buốt xương
Đường cái quan rộng rãi bằng phẳng, thôi hỏi thăm chi nữa
Theo dòng Minh Giang (3) lên hướng bắc, ấy là Trường An (4)

(1)Ngọc thư : Sắc chiếu nhà vua. Ngũ vân đoàn: mây năm sắc. Ý nói lệnh đi sứ.

(2) Hán quan : Cửa ải trên đường sang Trung quốc. Tức trấn Nam Quan

(3) Minh Giang : Tên con sông phát nguyên từ núi Phên Mao, tỉnh Quảng Đông. Sông chia làm hai ngả bắc nam. Ngả nam chia ranh giới Việt Nam và Trung Hoa.

(4) Trường An: tức Yên Kinh (Bắc Kinh). Trường An chỉ là tiếng nói kinh đô nói chung.

Dịch Thơ

Trên đường Nam Quan

Tầng mây năm sắc chiếu vua ban
Muôn dặm xe đơn vượt Hán quan
Một mạch đường dài tro tóc bạc
Hai mươi ngày mới rặt non xanh
Mưa xuân như mỡ, xương thêm buốt
Ơn nước bằng trời, nợ nặng mang
Rộng phẳng đường vua thôi thắc mắc
Minh Giang lên bắc ấy Trường An

Bản dịch: Đặng Thế Kiệt

BHTL010 Mạc phủ tức sự

Triệt dạ la thanh bất tạm đình
Cô đăng tương đối đảo thiên minh
Kính tuần khứ quốc tâm như tử
Nhất lộ phùng nhân diện tẫn sinh
Sơn lộc tích nê thâm một mã
Khê tuyền phục quái lão thành tinh
Khách tình chí thử dĩ vô hạn
Hựu thị Yên sơn vạn lý hành

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa
Suốt đêm, tiếng thanh la không ngớt.
Ta ngồi bên ngọn đèn cô đơn cho đến sáng.
Xa nước mấy tuần, lòng như chết.
Dọc đường gặp toàn người lạ.
Ở chân núi bùn ngập đến bụng ngựa.
Quái vật ẩn nấp hai bên bờ suối lâu ngày đã thành tinh.
Đến đây, tình cảm người viễn khách đã vô hạn rồi.
Huống chi cuộc hành trình đến Yên sơn (kinh đô) còn vạn dặm.

Dịch Thơ
Trạm nghỉ chân tức sự

Suốt đêm tiếng lệnh giục không ngơi,
Đối ngọn đèn hiu đến sáng trời.
Xa nước mấy tuần lòng tựa chết,
Dọc đường toàn gặp khách quê người.
Bùn khe đọng lại lút mình ngựa,
Ma quái thành tinh khắp mọi nơi.
Tình cảnh khách xa đây khó tả,
Yên kinh muôn dặm bước đường dài.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

BHTL011 Giáp Thành Mã phục ba miếu

Lục thập lão nhân cân lực suy
Cứ an bị giáp tạt như phi
Điện đình chỉ bác quân vương tiếu
Hương lý ninh tri huynh đệ bi
Đồng trụ cận năng khi Việt nữ
Châu xa tất cánh lụy gia nhi
Tính danh hợp thưởng Vân đài họa
Do hướng Nam trung sách tuế thì

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Miếu thờ Mã Viện ở Giáp thành

Người già tuổi sáu mươi thì gân sức suy.
Ông còn mặc giáp nhảy lên ngựa nhanh như bay.
Chỉ chuốc một nụ cười của nhà vua nơi cung điện.
Đâu biết anh em nơi quê hương thương xót cho ông! (1)
Cột đồng chỉ dối được đàn bà con gái Việt. (2)
Chứ như xe ngọc châu chở về, thị lại để lụy cho con cháu ông. (3)
Tên tuổi ông (đáng lẽ) được ghi nơi bức họa Vân Đài. (4)
Sao lại đòi nước Nam hằng năm phải cúng tế? (5)

Giáp thành : Nơi ranh giới Việt Nam và Trung Hoa.

Mã Phục Ba : Tên Mã Viện hiệu phục ba tướng quân, 60 tuổi còn đi đánh giặc lập công. Vua thương tuổi cao không nỡ cho đi, Mã Viện liền mặc áo giáp nhảy lên yên ngựa tỏ ra mình còn khỏe mạnh. Vua cười nói : Ông này quắc thước lắm.

(1) Huynh đệ bi : Người em họ Mã Viện là Thiệu Du thấy Mã Viện ham lập công danh, thường than rằng chỉ mua lấy khổ cho thân.

(2) Đồng trụ : Truyền rằng Mã Viện sau khi thắng hai bà Trưng, dựng trụ đồng ở địa phận Quảng Tây.

(3) Lụy gia nhi : Ở Giao Chỉ về, sau khi thắng trận, Mã Viện có chở theo một xe hạt ý dĩ để chữa bệnh tê thấp. Khi Mã Viện chết, có người tố cáo với vua rằng Mã Viện chở một xe châu báu về làm của riêng. Vua giận. Vợ con sợ hãi không dám đưa thi hài về quê, phải chôn ở phía Tây kinh thành.

(4) Vân Đài : Đài mây. Vua Hán Quang Vũ cho lập một đài cao, gọi là Vân Đài, và truyền vẽ tượng 28 vị công thần treo nơi đài để tuyên công.

(5) Sách tuế thì : Sau khi Mã Viện chết rồi vua Trung Quốc bắt dân Việt lập đền thờ. Đền ở Giáp là một.

Dịch Thơ

Miếu thờ Mã phục ba ở Giáp Thành

Người sáu mươi kém suy gân sức,
Ông lẹ làng mặc giáp lên yên.
Cung rông chuốc một tiếng khen,
Quê hương đâu biết nỗi phiền người thân!
Sợ cột đồng riêng phần Việt nữ,
Dèm xe châu để lụy gia nhi.
Đài mây công cán không ghi,
Trời Nam muôn dặm mắc gì khói hương ?

Bản dịch: Quách Tấn

BHTL012 Minh giang chu phát

Tiêu cổ đông đông sơ xuất môn
Vạn sơn trung đoạn nhất sà bồn
Phù vân sạ tán thạch dung sấu
Tân lạo sơ sinh giang thủy bồn
Biệt hậu quan sơn tứ đệ muội
Vọng trung nham tụ kiến nhi tôn
Nhật tà mặc hướng Hoa Sơn quá
Phạ hữu thanh thanh trường đoạn viên (viên)

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Vừa ra khỏi cửa, tiếng tiêu, tiếng trống nổi lên ầm ầm.
Một chiếc thuyền vút nhanh giữa muôn ngọn núi.
Mây vừa tan, núi trông có vẻ gầy.
Lụt mới về, nước sông đục ngầy.
Sau lúc chia biệt chỗ quan san, đã nhớ đến em trai, em gái
Nhìn giữa đá núi, tưởng chừng thấy con cháu
Lúc mặt trời xế bóng, đừng đi qua Hoa Sơn
Sợ nghe tiếng vượn kêu buồn đứt ruột

Minh Giang : Tên con sông phát nguyên từ núi Phên Mao, tỉnh Quảng Đông. Sông chia làm hai ngả bắc nam. Ngả nam chia ranh giới Việt Nam và Trung Hoa. Đoàn sứ Nguyễn Du đi theo sông này qua núi Hoa Sơn, thuộc tỉnh Quảng Tây, lên phía bắc.

Dịch Thơ

Thuyền ra đi trên sông Minh

Chiêng trống thùng thùng ra cửa sông
Một thuyền lướt sóng giữa muôn trùng
Mây tan bất chợt hao gầy núi
Nước lụt mới về vẫn đục dòng
Dặm biệt, anh em đà tưởng nhớ
Đá chồng, con cháu cứ ngỡ trông
Hoa Sơn chớ vượt khi chiều xế
Sợ vắng bên tai vượn nào nùng

Bản dịch: Đặng Thế Kiệt

BHTL013 Ninh Minh giang chu hành

Việt Tây sơn trung đa giản tuyên
Thiên niên hợp chú thành nhất xuyên
Tự cao nhi hạ như bát thiên
Than thượng hà sở vấn?
Ứng long kích nộ lời điền điền
Than hạ hà sở kiến?
Nỗ cơ kích phát thi ly huyền
Nhất tả vạn lý vô đình yên
Cao sơn giáp ngạn như tường viên
Trung hữu quái thạch sâm sâm nhiên
Hữu như long, xà, hổ, báo, ngư, mã la kỳ tiên
Đại giả như ốc, tiểu như quyền
Cao giả như lập, đề như miên
Trực giả như tâu, khúc như tuyên
Thiên hình vạn trạng nan tận ngôn
Giao ly xuất một thành trùng uyên
Dũng đào phún mặt nhật dạ tranh hôi huyền
Hạ lạo sơ trướng phí như tiên
Nhất hành tam nhật tâm huyền huyền
Tâm huyền huyền đa sở úy
Nguy hồ đãi tai cốt một vô đề
Cộng đạo Trung Hoa lộ thân bình
Trung Hoa đạo trung phù như thị
Oa bản khuất khúc tự nhân tâm
Nguy vong khuynh phúc giai thiên ý
Cao tài mỗi vị văn chương đồ
Nhân nhục tối vi ly mị hỷ
Phong ba na đắc tận năng bình
Trung tín đáo đầu vô túc thị
Bất tín "xuất môn giai úy đồ"
Thí vọng thao thao thử giang thủy

Nguyễn Du

Dịch Nghĩ

Trong núi miền Việt Tây có nhiều khe suối
Nghìn năm hợp lại thành một sông
Như nước rót xuống từ trời cao
Trên thác nghe thấy gì ?
Ròng rệu giận dữ, sấm động âm âm
Mây nổi bật mạnh, tên vút khỏi dây
Một dòng vạn dặm không ngừng
Núi cao bên bờ như bức tường
Trong có đá hình thù kỳ dị chen chúc
Như rồng, rắn, hổ, báo, trâu, ngựa la liệt trước phía trước
Lớn như nhà, nhỏ bằng nắm tay
Cao như đứng, thấp như ngủ
Thẳng như chạy, cong như xoay vòng
Muôn hình vạn trạng khó nói hết
Thuồng luồng, ly long ra vào thành vực thẳm
Sóng vỗ bọt phun ngày đêm âm ỉ
Lụt mùa hè vừa dâng nước sôi sục

Đi một mạch ba ngày, lòng chơi vơi
Lòng chơi vơi vì sợ hãi
Thiệt là nguy hiểm chìm sâu không đáy
Mọi người đều nói đường đi Trung Hoa bằng phẳng
Đường Trung Hoa như thế này ư !
Sâu hiểm quanh co như lòng người
Nguy vong nghiêng đổ đều do ý trời
Tài cao thường bị văn chương ganh ghét
Thịt người là thứ ma quỷ thích nhất
Sóng gió làm sao yên cho hết
Giữ trung tín rốt cục không đủ cậy nhờ (1)
Ai không tin rằng "ra ngoài cửa mọi đường đều đáng sợ"
Thì hãy thử nhìn nước sông cuộn cuộn đó

Ninh Minh Giang : Tức Minh Giang, khi chảy qua huyện Ninh Minh thì gọi là Ninh Minh giang.

(1) Lấy tích Đường Giới, người thời Tống, tính tình cương trực, phải biếm đi nơi hẻo lánh. Khi thuyền qua sông Hoài, sóng to gió lớn. Ông ngồi ngay ngắn đọc câu thơ:

Bình sinh thượng trung tín
Kim nhật nhiệm phong ba!
(Ngày thường giữ lòng trung tín,
Bây giờ (thì) mặc sóng gió!)

Nhà thơ dùng điển này, nhưng với ý ngược lại: mình giữ lòng trung tín nhưng gặp hiểm nguy vẫn không tin cậy được.

Dịch Thơ
Đi thuyền trên sông Ninh Minh

Núi Việt Tây có nhiều khe suối
Bao nhiêu năm tụ hội thành sông
Trời cao đổ xuống đùng đùng
Từ trên thác tựa như rồng nổi cơn
Nghe như thể âm âm sấm nổ
Vuốt khỏi dây tên nổ bật tung
Một dòng vạn dặm không ngừng
Bên bờ núi dựng như tường chênh vênh
Ở trong nước đá hình quái lạ
Như rắn, rồng, hổ, báo, trâu, ngựa liệt la
Nhỏ tựa nắm, lớn như nhà
Cao như đứng, thấp như là ngủ say
Cong như xoay, thẳng như đuổi chạy
Muôn vẻ kỳ nói mấy cho vừa
Thuồng luồng vực thẳm ghê chưa
Ngày đêm âm ỉ sóng đùa bọt phun
Lụt mùa hè nước dâng sôi sục
Đi ba ngày một mạch, chơi vơi
Chơi vơi vì sợ ai ơi
Nước sâu không đáy đi đời nhà ma
Mọi người nói Trung Hoa bằng phẳng
Đường Trung Hoa thật chẳng ai ngờ
Như lòng người lắm quanh co
Nguy vong nghiêng đổ đều do ý trời

Văn chương đòi tài cao hay ghét
Thịt người ma quỷ thích vô cùng
Làm sao yên lặng bão bùng
Giữ trung tín mấy cũng không đủ nhờ
Không tin "ra cửa, nguy cơ"
Nhìn sông cuộn cuộn đó ngờ nữa thôi!

Bản dịch: Đặng Thế Kiệt

BHTL014 Đề Đại Than Mã phục ba miếu

Tạc thông lĩnh đạo định Viêm khur
Cái thể công danh tại sử thư
Hương lão đại niên căng quắc thước
Trừ y thực ngoại tần doanh dư
Đại Than phong lãng lưu tiền liệt
Cổ miếu từng sam cách cổ lư
Nhật mộ thành tây kinh cực hạ
Dâm Đàm di hồi cánh hà như

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Đề miếu Mã Phục Ba ở thác Đại Than (1)

Đục xuyên qua đường Ngũ lĩnh, bình định cõi Nam (2)
Công danh trùm đời ghi trên sử sách
Già lớn tuổi rồi còn khoe quắc thước (3)
Ngoài cơm áo ra, mọi thứ là thừa (4)
Sóng gió Đại Than còn để dấu công oanh liệt thời trước
Cây tùng, cây sam ở ngôi miếu cổ xa cách quê nhà
Chiều tà dưới đám gai góc phía tây thành (5)
Nổi hận ở Dâm Đàm (6), sau cùng ra làm sao?

(1) Đại Than: Một ghềnh lớn của sông Minh Giang hay Tả Giang. Truyền thuyết cho rằng Mã Viện đem quân sang nước ta đã phá thác, ghềnh để dễ đi thuyền. Cho nên những chỗ có ghềnh, thác trên các sông miền Nam Trung quốc đều có miếu thờ Mã Viện.

(2) Viêm : Nóng. Viêm bang chỉ những xứ nóng phía Nam Trung Hoa.

(3) Quắc thước : Mã Viện ngoài 60 tuổi còn xin vua đi đánh giặc. Vua Hán không cho, Viện mặc áo giáp nhảy lên ngựa. Vua cười khen : "Ông này quắc thước lắm !" (Quắc thước tại thị ông !).

(4) Tần doanh dư : Thiếu Dư, em họ của Mã Viện, nói : "Kẻ sĩ chỉ cần lo cơm áo cho đủ, ở quê hương trông nom mồ mả rưng vườn. Cần gì vất vả đi kiếm công danh mà khổ thân".

(5) Thành Tây : Mộ Mã Viện chôn ở Tây Thành.

(6) Dâm Đàm : Tên đầm. Mã Viện đem quân đánh Hai Bà Trưng mãi không được, phải lui quân về Lăng Bạc. Trời nóng bức, hơi độc từ hồ bốc lên, điều hâu bay không được. Viện hối hận đã không nghe lời em mình.

Dịch Thơ

Đề miếu Mã phục ba ở Đại Than

Mở đường Ngũ Lĩnh đánh Viêm bang,
Công trạng ghi trong cuốn sách vàng.
Già lão khoe khoang còn có sức,
Áo cơm no đủ há cầu sang!
Ghềnh cao sóng dữ nêu oanh liệt,
Miếu cũ thông xưa cách cổ hương.
Chiều dưới chân thành gai góc nọ,
Dâm Đàm hồi cũ nhớ hay chăng?

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

BHTL015 Hoàng Sào binh mã

Đại tiêu Hoa Sơn sổ lý phân
Hoàng Sào di tích tại giang tân
Khởi tri Kim Thống Tấn trung đế
Nãi xuất Tôn sơn bằng ngoại nhân
Ngộ quốc mỗ nhân câu hạng lượng
Cùng thời tự khả biến phong vân
Viễn lai nghĩ vấn thiên niên sự
Giang hộ dao đầu nhược bất văn

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Nơi Hoàng Sào đóng binh mã

Núi Hoa Sơn lớn nhỏ cách nhau vài dặm
Trên bến sông hãy còn di tích Hoàng Sào
Há biết vua Kim Thống đất Tấn (1)
Lại là người đi thi bị đánh rớt (2)
Đôi khi chỉ vì câu nệ, hẹp hòi mà làm lỡ việc nước.
Con người ta đến lúc cùng có thể làm biến gió đổi mây.
Ta từ xa đến, muốn hỏi chuyện nghìn năm cũ.
Nhưng ông lái dò lắc đầu như không nghe thấy!

Hoàng Sào: người đời Đường, quê ở Sơn Đông, học giỏi, nhiều lần thi Tiến Sĩ không đỗ, thích đánh gươm, cưỡi ngựa, hay giúp người nghèo, sau cầm đầu một cuộc khởi nghĩa trên mười năm (875-884). Khi vào Trường An, Hoàng Sào lên ngôi hoàng đế, lấy quốc hiệu là Đại Tề, niên hiệu Kim Thống.

(1) Hoàng Sào khởi nghĩa ở Sơn Đông, nhưng kéo quân đi khắp nước, xuống tận Quảng Đông, Quảng Tây. Kim Thống là niên hiệu của Hoàng Sào.

(2) Tôn Sơn: tên người đỗ cuối bảng. Tôn Sơn ngoại bảng là hỏng thi.

Dịch Thơ

Nơi Hoàng Sào đóng binh mã

Mấy dặm Hoa Sơn núi chập chùng,
Hoàng Sào dấu cũ ở bên sông.
Con người thừa ấy lên ngôi đế,
Là gã xưa kia trượt bảng rỗng.
Câu nệ thói thường hư việc nước,
Gió mây biến đổi bởi đường cùng.
Từ xa muốn biết đầu đuôi chuyện,
Ông lái tuồng như chẳng tỏ tường.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

BHTL016 Vọng Quan Âm miếu

Y thủy tuyệt cảnh cầu đình đài
Phật tận tùng chi trụ hạc thai
Thạch huyết hà niên sơ tạc phá
Kim thân tiền dạ khước phi lai
Đình vân xứ xứ tăng miên đình
Lạc nhật sơn sơn viên khiêu ai
Nhất chú đàn hương tiêu tuệ nghiệp
Hồi đầu dĩ cách vạn trùng nhai

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa
Trông lên miếu Quan Âm

Ai người dựng nên đình đài ở chốn tận cùng này?
Chặt hết cảnh tùng, rớt trứng hạc
Hang đá, năm nào bắt đầu đục phá?
Tượng Phật (mình vàng) (1) mới bay đến đêm qua (2)
Khấp chốn mây ngừng trôi, sự yên giấc
Núi núi bóng chiều rơi, vượn kêu thương
Đốt nén hương đàn để tiêu tan nghiệp chướng do trí tuệ gây ra
Quay đầu lại đã cách núi muôn trùng

(1) Kim thân : Mình vàng, chỉ tượng Phật.

(2) Phi lai : Do chữ ‘phi lai thạch’. Lấy tích chùa Tương Sơn có hòn đá bay đến thành Phật.

Dịch Thơ
Trông lên miếu Quan Âm

Đình đài ai dựng tận nơi đây
Trứng hạc rơi tùng chặt hết cây
Hang đá năm nào vừa đục phá
Tượng vàng đêm trước mới qua bay
Mây ngừng chốn chốn sự an giấc
Chiều rụng non non vượn oán ai
Đốt nén hương đàn tiêu tuệ nghiệp
Muôn trùng đã cách thoáng đầu quay

Bản dịch: Đặng Thế Kiệt

BHTL017 Tam Giang khẩu đường dạ bạc

Tây Việt trùng sơn nhất thủy phân
Lưỡng sơn tương đối thạch lân tuân
Viên đề thụ điều nhược vô lộ
Khuyển phê lâm trung tri hữu nhân
Tứ vọng vân sơn nhân độc lão
Đồng chu Hồ Việt các tương lân
Thập niên dĩ thất hoàn hương lộ
Ná đắc gia hương nhập mộng tần

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Đêm đậu thuyền ở cửa sông Tam Giang

Nơi núi non trập trùng ở Tây Việt, một dòng nước chia hai
Hai ngọn núi đối nhau, đá chồng chất
Vượn hú trên ngọn cây, tưởng như không có đường đi
Chó sủa trong rừng, biết là có người
Nhìn bốn bề đều là mây và núi, chỉ có người thấy già
Cùng thuyền, người Hồ kẻ Việt thân thiết với nhau
Mười năm đã mất đường về làng cũ
Sao được quê nhà đi vào trong mộng

Dịch Thơ

Đêm đậu thuyền ở cửa sông Tam Giang

Một dòng nước xẻ núi muôn trùng
Hai dãy nhìn nhau đá chất chồng
Vượn hú ngọn cây đường lạc lối
Chó kêu rừng thăm chắc gần thôn
Núi mây bốn ngả tình cô quạnh
Hồ Việt chung thuyền mối thiết thân
Làng cũ mười năm quên mất hướng
Quê nhà nẻo mộng nhớ về thăm

Bản dịch: Đặng Thế Kiệt

BHTL018 Văn há Đại Than, tân lạo bao trưởng, chư hiểm câu thất

Ngân hà tạc dạ tự thiên khuynh
Giang thủy mang mang giang ngạn bình
Vị tín quĩ thần năng tướng hựu
Tần giao long hổ thất tinh linh
Bình cư bất hội giảng trung tín
Đáo xứ vô phương tề tử sinh
Cánh hữu hiểm hy nhiều thập bội
Ngô tương hà dĩ khẩu thần minh

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Thuyền xuôi ghềnh Đại Than, nước lũ dâng cao, ngập cả những chỗ hiểm trở

Đêm qua sông Ngân từ trời đổ xuống
Nước sông mênh mông, bờ sông ngập bằng
Chưa tin quĩ thần có thể giúp được gì
Ngay cả rồng cọp cũng hết linh thiêng
Ngày thường không thấu hiểu hai chữ "trung tín"
Thì đến đâu cũng không giải quyết được vấn đề "sống và chết"
Trên đường đi, sau này còn có chỗ hiểm nguy gấp mười
Ta sẽ lấy gì để cầu xin với thần minh?

Dịch Thơ

Thuyền xuôi ghềnh Đại Than, nước lũ dâng cao, ngập cả những chỗ hiểm trở

Đêm trước sông Ngân đổ nước trời,
Bờ sông ngập phẳng, nước bằng vơi.
Quĩ thần phù hộ chưa tin được,
Rồng hổ linh thiêng mất cả rồi.
Trung tín ngày thường không giữ được,
Chết còn lúc đó phải đành thôi.
Hiểm nguy còn gấp mười phần nữa,
Muốn khấn thần minh, khó ngỏ lời.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

BHTL019 Hạ Than hỷ phú

Tâm hương bãi đảo tướng quân tỳ (từ)
Nhất trạo trung lưu tứ sở chi
Đảo xứ giang sơn như thức thú
Hỷ nhân xà hồ bất thi uy
Vạn châu từng thụ tặng nhân ốc
Nhất đài hàn yên Yên Tử ky (cơ)
Tịch tịch thuyền song vô cá sự
Ngư ca giang thượng khán tà huy

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa
Tà nổi mừng khi xuống thác

Tắm lòng thành dâng hương khẩn trước đền tướng quân
Một thuyền giữa dòng nước mặc cho trôi đi
Đến đâu cũng thấy sông núi như đã quen biết
Mừng cho người, hùm rắn đã không ra oai
Muôn cụm tùng kia là nơi nhà sư ở
Một dải khói lạnh, đó là Hòn Én
Lặng lẽ ngồi bên cửa thuyền, không làm gì cả
Nghe thuyền chài hát, ngắm chiều tà

Dịch Thơ
Mừng xuống khỏi thác

Thành khăn dâng hương vái trước đền
Một thuyền theo nước cứ lênh đênh
Mừng người rắn cạp không làm dữ
Thích cảnh non sông như đã quen
Muôn cụm tùng xanh sư trú ngụ
Một Hòn Én lạnh khói dâng lên
Bên song lặng lẽ không gì bận
Nghe khúc chài ca, ngó nắng nghiêng

Bản dịch: Đặng Thế Kiệt

BHTL020 Thái Bình thành hạ văn xuy dịch

Thái Bình thành ngoại tây phong khởi
Xuy trừu Ninh Minh nhất giang thủy
Giang thủy trừu hề giang nguyệt hàn
Thùy gia hoành địch bằng lan can
Nhị thập thất nhân cộng hồi thủ
Cố hương dĩ cách vạn trùng san

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Bên ngoài thành Thái Bình, nghe tiếng sáo thổi

Ngoài thành Thái Bình gió tây thổi lên
Làm cho nước sông Ninh Minh gợn sóng
Nước sông gợn sóng, trăng sông lạnh
Có người nào tựa lan can thổi sáo
Khiến cho hai mươi bảy người trong đoàn đều quay lại nhìn
Nhưng cố hương đã cách muôn trùng núi non!

Dịch Thơ

Bên ngoài thành Thái Bình, nghe tiếng sáo thổi

Ngoài thành Thái Bình gió tây lộng,
Thổi trên sông Minh nước gợn sóng.
Nước sông gợn sóng, lạnh trăng sông,
Ai đâu thổi sáo tựa bên song?
Hai mươi bảy người đều ngoái cổ
Quê nhà đã cách núi muôn trùng!

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

BHTL021 Thái Bình mại ca giả

Thái Bình cổ sư thô bố y
Tiểu nhi khiên văn hành giang mi
Vân thị thành ngoại lão khát tử
Mại ca khát tiền cung thần xuy
Lân chu thời hữu hiệu âm giả
Khiên thủ dẫn thương thuyền song hạ
Thử thời thuyền trung ám vô đăng
Khí phạn bát thủy thù lang tạ
Mô sách dẫn thân hướng tọa ngung
Tải tam cử thủ xung đa tạ
Thủ văn huyền sách khẩu tác thanh
Thả đàn thả ca vô tạm đình
Thanh âm thù dị bất đắc biện
Đãn giác liêu lượng thù khả thỉnh
Chu tử tả tự vị dư đạo
Thử khúc Thế Dân dữ Kiến Thành
Quan giả thập số tịnh vô ngữ
Đãn kiến giang phong tiêu tiêu giang nguyệt minh
Khẩu phún bạch mặt, thủ toan súc
Khước tọa, liễm huyền, cáo chung khúc
Đàn tận tâm lực cơ nhất canh
Sở đắc đồng tiền cận ngũ lục
Tiểu nhi dẫn đắc há thuyền lai
Do thả hồi cổ đảo đa phúc
Ngã sạ kiến chi, bi thả tân
Phạm nhân nguyện tử bất nguyện bần
Chỉ đạo Trung Hoa tần ôn bảo
Trung Hoa diệc hữu như thử nhân
Quân bất kiến sứ thuyền triều lai cung đón lệ
Nhất thuyền, nhất thuyền doanh nhục mễ
Hành nhân bảo thực tiện khí dư
Tàn hào lãnh phạn trầm giang đề.

Nguyễn Du

Dịch Nghĩ

Người hát rong ở thành Thái Bình

Ở phủ Thái Bình có người mù mặc áo vải thô
Có đứa trẻ dẫn đi bờ sông
Nói rằng ông già ăn xin ở ngoài thành
Hát mượn xin tiền nấu ăn
Thuyền bên có người ưa nghe hát
Cầm tay dẫn xuống thuyền dưới cửa sổ
Lúc này trong thuyền tôi không đèn
Cơm thừa canh cạn đồ bữa bãi
Ông già lần mò ngồi vào một góc
Hai ba lần gơ tay xin cám ơn
Tay nắn dây đàn, miệng cất tiếng hát
Vừa đàn vừa ca không nghỉ
Tiếng nghe lạ hoắc không hiểu được

Nhà thuyền viết chữ bảo ta rằng :
Khúc hát này nói về Thế Dân và Kiến Thành
Người nghe khoảng chục người đều im lặng
Chỉ thấy gió sông vi vu dưới trăng sáng
Miệng sùi nước bọt, tay mỗi rã rời
Ngồi xuống, xếp đàn, nói rằng hát đã xong
Hết lòng hết sức đàn gần một trống canh
Vầy mà chỉ được năm sáu đồng
Đưa em dẫn ra khỏi thuyền
Còn quay đầu lại chúc lành
Chợt thấy ta bồi hồi thương xót
Phàm nguời ta thà chết hơn sống nghèo
Nghe nói ở Trung Hoa mọi người đều được ấm no
Ở Trung Hoa cũng có người nghèo như thế sao
Anh không thấy lệ cung phụng thuyền đi sứ mỗi ngày
Tùng thuyền từng thuyền thịch gạo đầy
Người đi thuyền ăn no, thừa vứt bỏ
Cơm nguội, thức ăn đổ chìm xuống đáy sông

Dịch Thơ

Người hát dạo ở Thái Bình

Ở phủ Thái Bình có ông lão
Hai mắt mù mặc áo vải thô
Năm tay trẻ dắt ngoại ô
Ven sông hát dạo lần mò kiếm ăn
Thuyền bên có kẻ ham nghe hát
Dẫn ông già xuống sát cửa thuyền
Lúc này thuyền tôi không đèn
Cơm thừa canh cạn đổ tràn tứ tung
Lò dò vô trong cùng, một góc
Hai ba lần lóc ngóc cảm ơn
Miệng ca, tay nắn dây đàn
Một hơi đàn hát chẳng lẩn nghỉ ngơi
Thanh âm lạ, lẽ lời không hiểu
Lắng nghe ra thì điệu cũng hay
Nhà thuyền viết chữ : "khúc này"
"Thế Dân tranh đoạt quyền oai Kiến Thành"
Chục người xem mà đành phăng phắc
Gió ru trăng vắng vặc trên sông
Miệng sùi, tay mỗi lão ông
Cất đàn, ngồi lại, thưa rằng đã xong
Gần một canh, hết lòng hết sức
Năm sáu đồng kiếm được thế thôi
Đưa em dẫn khỏi thuyền rồi
Còn quay đầu lại gửi lời chúc may
Chợt nhìn thấy cảnh này đau xót
Phàm nguời ta chết tốt hơn nghèo
Trung Hoa no ấm, nghe nhiều
Trung Hoa cũng có người nghèo thế ư
Kìa không thấy sứ từ xa lại
Gạo thịch đầy thuyền cái thuyền con
Người ăn no ư vẫn còn

Đáy sông cơm ngọt món ngon đồ chìm.

Bản dịch: Đặng Thế Kiệt

BHTL022 Chu hành tức sự

Tây Việt sơn xuyên đa hiểm hi
Hành hành tòng thử hướng thiên nhi (nhai)
Băng nhai quái thạch nộ tương hướng
Thủy điều sa cầm hiệp bất phi
Thiên địa biên chu phù tự diệp
Văn chương tàn tức nhược như ti
Vị liên thượng quốc phong quang hảo
Quan tỏa hương tình vị phóng qui

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa
Đi thuyền hứng viết

Núi sông Tây Việt nhiều hiểm trở
Từ đây cứ đi về hướng chân trời
Bờ núi lở, đá hình quái dị giận dữ nhìn nhau
Chim nước cò bờ dạn dĩ không bay khi thấy người
Chiếc thuyền con như chiếc lá nổi giữa đất trời
Hơi tàn văn chương tàn yếu như sợi tơ
Vì yêu phong cảnh đẹp của thượng quốc
Nên khóa tình quê lại, chưa thả cho về

Dịch Thơ
Đi thuyền hứng viết

Tây Việt non sông hiểm trở đầy
Chân trời nhắm hướng kể từ đây
Đá kỳ núi quái nhìn hung tợn
Chim nước cò bờ ngó chẳng bay
Trời đất mệnh mông thuyền lá nổi
Văn thơ thoi thóp sợi tơ lay
Bởi yêu phong cảnh xứ người đẹp
Khóa chặt tình quê chưa vút bay

Bản dịch: Đặng Thế Kiệt

BHTL023 Sơn Đường dạ bạc

Ngộ mộng tỉnh lai vân
Tà nhật yêm song phi
Phong kính duy thuyền tảo
Sơn cao đắc nguyệt trì
Ỗ bồng thiên lý vọng
Hợp nhãn cách niên ti (tư)
Mạc cận thương nhai túc
Đề viên triệt dạ bì

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa
Đêm đậu thuyền ở Sơn Đường

Nằm ngủ trưa, tỉnh dậy thì đã muộn
Bóng chiều dọi vào phải khép cửa sổ lại.
Gió thổi mạnh, phải neo thuyền sớm
Núi cao, thật lâu mới thấy trăng
Dựa mũi thuyền trông ra xa nghìn dặm
Chớp mắt, nghĩ đã xa nhà một năm rồi
Chớ đỗ thuyền lại gần núi xanh
Tiếng vượn hú sẽ làm ta buồn suốt đêm

Dịch Thơ
Đêm đậu thuyền ở Sơn Đường

Mộng trưa tỉnh giấc muộn
Bóng xế ngậm song tây
Gió mạnh neo thuyền sớm
Non cao ngắm trăng chầy
Dựa mũi trông dặm trở
Chớp mắt nhớ năm đầy
Chớ ngủ gần bên núi
Thâu đêm vượn oán ai

Bản dịch: Đặng Thế Kiệt

Giấc ngủ trưa dậy muộn
Bóng xế khép song tây
Gió mạnh buộc thuyền sớm
Non cao thấy trăng chầy
Tựa mũi trông nghìn dặm
Nhắm mắt nhớ những ngày
Chớ nghỉ gần bên núi
Thâu đêm vượn hú rầy!

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

BHTL024 Thương Ngô tức sự

Ngu Đế nam tuần cánh bất hoàn
Nhị phi sái lệ trúc thành ban
Du du trần tích thiên niên thượng
Lịch lịch quần thư nhất vọng gian
Tân lạo sơ thiêm tam xích thủy
Phù vân bất biện Cửu Nghi san
Tầm thanh dao tạ tỳ bà ngữ
Thiên lý thanh sam bất nại hàn

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa
Tức cảnh ở Thương Ngô

Vua Ngu đi tuần phương nam chẳng trở về. (1)
Hai bà phi khóc, nước mắt vương vào cây trúc thành những vết lốm đốm. (2)
Dấu cũ nghìn xưa ghi trong sử sách, nay nhìn thấy rõ trước mắt.
Nước lũ mới đổ về cao hơn ba thước.
Mây che khuất không nhìn rõ núi Cửu Nghi. (3)
Nghe vắng tiếng tỳ bà nhưng phải từ tạ. (4)
Kẻ mặc áo xanh này từ nghìn dặm đến, không chịu lạnh nổi.

Thương Ngô: Tên núi, tức là núi Cửu Nghi. Sử chép, xưa vua Thuấn đi tuần phương nam, mất ở Thương Ngô rồi chôn ở đó.

(1) Ngu đế: Vua nước Ngu, tức vua Thuấn.

(2) Nhị phi: Chỉ hai bà phi của vua Thuấn, tức Nga Hoàng và Nữ Anh. Vua Thuấn đi tuần phương nam, chết ở Thương Ngô. Hai phi đi tìm, khóc nước mắt nhỏ xuống những cây trúc thành vết lốm đốm và tự trầm chết theo bên dòng sông Tương.

(3) Cửu Nghi: núi có chín ngọn giống nhau, khó phân biệt nên đặt tên ra thế.

(4) Tỳ bà ngữ: Lấy ý từ bài Tỳ Bà Hành của Bạch Cư Dị. Trong Tỳ bà hành có câu : 'Giang châu tư mã thanh sam thấp' (Quan Tư mã châu Giang khóc ướt vạt tràng áo xanh), Nguyễn Du dịch là : 'Sụt sùi giờ nổi đoạn tràng, Giọt châu tầm tã, đầm tràng áo xanh'.

Dịch Thơ
Tức cảnh ở Thương Ngô

Vua Ngu đi mất không về
Trúc xanh đốm lệ hai phi khóc tìm
Nghìn năm cách biệt cổ kim
Lật trang phương cáo nỗi niềm rung rung
Lụt về ba thước triều dâng
Mây mờ che phủ mấy tầng Cửu Nghi
Xa nghe réo rắt tiếng tỳ
Áo xanh từ tạ còn đi nghìn trùng

Bản dịch: Đặng Thế Kiệt

BHTL025 Thương Ngô mộ vũ

Vũ trệ Tầm giang hiều phát trì
Ngô thành bạc mộ thượng phi phi
Nhất giang tân lạo bình Tam Sở
Đại bán phù vân trú Cửu Nghi
Trách trách tiểu chu nan quá Hạ
Sam sam trường phát tự tri Di
Bình ba nhật mộ Tương Đàm viễn
Bồi tửu bằng lan điều nhị phi

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa
Mưa chiều ở Thương Ngô

Trời mưa phải dừng lại ở sông Tầm, lúc sáng khởi hành muộn.
Gần chiều, trên thành Thương Ngô vẫn còn mưa tầm tã.
Lũ mới đổ về, nước sông tràn ngập đất Sở,
Phần lớn mây bao trùm núi Cửu Nghi,
Ta ngồi trong thuyền nhỏ chật hẹp khó qua được đất Hạ (hoa hạ),
Búi tóc dài nói rõ ta là người nước khác (đi).
Sóng lặng trời tối mà Tương Đàm còn xa,
Đánh rót rượu viếng hai bà phi vậy.

Tầm giang: tên con sông thuộc huyện Quế Bình, tỉnh Quảng Tây, chảy qua Thương Ngô.
Tam Sở: ba vùng đất Tây Sở, Nam Sở, và Đông Sở, nay thuộc Hồ Nam, Hồ Bắc.

Dịch Thơ
Mưa chiều ở Thương Ngô

Mưa trú Tầm Giang trễ chuyến đi,
Thành Ngô chiều xuống vẫn đầm đìa.
Lũ về ngập hết vùng Tam Sở,
Mây vẫn bao trùm núi Cửu Nghi.
Người lạ tóc dài nhìn dễ biết,
Đất Hoa thuyền nhỏ khó qua ghê.
Chiều hôm sóng lặng vời Tương Phố,
Chén rượu khoan thuyền viếng nhị phi.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

BHTL041 Ngũ nguyệt quan cạnh độ

Hoài vương qui táng, Trương Nghi tử
Sở quốc từ nhân ký bội lan
Thiên cổ chiêu hô chung bất phản
Mãn giang tranh cạnh thái vô đoan
Yên ba điều điều không bi oán
La cổ niên niên tự tiểu hoan
Hồn nhược qui lai dã vô thác
Long xà quỷ vực biến nhân gian

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa
Tháng năm xem đua thuyền

Hoài vương (1) chết, đưa hài cốt về mai táng. Trương Nghi (2) cũng chết.
Nhớ nhà thơ nước Sở đeo chùm hoa lan để tỏ phẩm chất của mình. (3)
Ngàn năm gọi hồn, hồn vẫn không về. (4)
Thuyền đua đầy sông, nào có ý nghĩa gì đâu!
Nhìn khói sóng mịt mù mà đau thương oán giận.
Hàng năm chiêng trống vẫn cứ bày trò vui như thế này đây. (5)
Vả chăng hồn ông có về cũng không biết nương tựa vào đâu.
Khắp nhân gian nơi nơi đầy dẫy rắn rồng, quỷ quái.

-
- (1) Hoài vương: vua nước Sở, không nghe lời Khuất Nguyên can gián, sang hội với nước Tần, bị giữ lại, rồi chết ở đấy, sau đưa hài cốt về Sở.
(2) Trương Nghi: Mưu sĩ nước Tần, dùng mưu dèm pha Khuất Nguyên với vua Sở Hoài Vương. Khuất Nguyên bị đi đày, Trương Nghi thành tướng quốc.
(3) Ly Tao có câu: "Xâu chùm hoa lan để đeo", ở đây chỉ Khuất Nguyên, tác giả thiên Ly Tao.
(4) Tống Ngọc, người đương thời với Khuất Nguyên có làm bài Chiêu Hồn để tỏ lòng thương tiếc Khuất Nguyên.
(5) Khuất Nguyên mất ngày 5 tháng 5. Hàng năm vào ngày này, người Trung Quốc tổ chức kỷ niệm nhà thơ bằng cách đua thuyền nói là đi tìm di hài nhà thơ.

Dịch Thơ
Tháng năm xem đua thuyền

Hoài vương qui táng, Trương Nghi chết,
Nước Sở còn ghi khách bội lan.
Nghìn thuở gọi hồn nào có thấy?
Đầy sông đua chài thật thêm nhàm!
Nước mây nhiều lúc sầu thương hã,
Chiêng trống hàng năm hát múa tràn.
Nếu thật hồn về không chỗ ở,
Rắn rồng quỷ quái khắp nhân gian.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

BHTL126 Đào Hoa dịch đạo trung I

Tiềm Sơn bát bách lý,
Tây tiếp Sở sơn vân.
Cổ thạch sáu như quĩ,
Tân tùng trường tỷ nhân
Vạn huê nghi thực mạch,
Thập nhật cách phong trần.
Bạch Liên Hà Bắc sơn,
Sơn trung như bất văn

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa
Trên đường đến trạm Đào Hoa I

Trạm Đào Hoa cách Tiềm Sơn tám trăm dặm, phía tây tiếp liền mây núi Sở. Đá cổ gầy như quĩ, thông non cao bằng người. Vạn khoảng ruộng, dâu lúa đều tốt. Đã mười ngày xa gió bụi, qua dãy Bạch Liên ở Hà Bắc, trong núi vắng lặng như không nghe thấy gì.

Dịch Thơ
Trên đường đến trạm Đào Hoa I

Non Tiềm tám trăm dặm,
Núi Sở liền phía tây.
Đá mọc gầy như quĩ,
Thông cao vừa tầm người.
Lúa đầy muôn khoảng tốt,
Bụi cách hàng tuần nay.
Dãy Bạch Liên Hà Bắc,
Trong non lặng suốt ngày.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

BTTL127 Đào Hoa dịch đạo trung II

Kê khuyển xuất tang ma,
Duyên khô tiêu kính tà.
Sơn điền thường tích thủy,
Dã phạm bán hàm sa.
Thạch ân cao nhân ốc,
Trần tuý quý giả xa
Cô yên tại thiên mật,
Kim dạ túc thù gia?

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa
Trên đường đến trạm đào hoa II

Gà chó từ đám dâu chạy ra. một lối nhỏ chênh chếch men theo khe. Ruộng núi thường chứa nước. Bữa cơm ngoài đồng lẫn cát sạn. Đá che lấp nhà người cao sĩ, bụi bám theo xe người sang trọng. Ngọn khói lẻ loi tận chân trời, đêm nay biết nghỉ nhà ai?

Dịch Thơ
Trên đường đến trạm đào hoa II

Đâu đây gà chó chạy,
Lối nhỏ dốc men khe.
Ruộng núi nước đầy ắp,
Cơm đồng sạn nhiều ghê.
Người hiền nhà khuất đá,
Khách quý bụi theo xe.
Nặng khói chân trời lẻ,
Nhà ai đêm nay về?

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

Trên đường đến trạm đào hoa II

Dâu, gai thấp thoáng chó, gà
Dốc mòn bên suối là đà cỏ cây
Non cao ruộng nước đọng đầy
Chén cơm thôn dã hàng ngày cát pha
Cao nhân đá khuất mái nhà
Sau xe quyền quý tà tà bụi bay
Cuối trời sợi khói lung lay
Lênh đênh lữ thứ đêm này ngủ đâu?

Bản dịch: Hạt Cát

THTT001 Sơn cư mạn hứng

Nam khứ Trường an thiên lý dư
Quần phong thâm xứ dã nhân cư
Sài môn trú tĩnh sơn vân bế
Dược phổ xuân hàn lũng trúc sơ
Nhất phiến hương tâm thiêm ảnh hạ
Kính niên biệt lệ nhận thanh sơ
Cổ hương đệ muội âm hao tuyệt
Bất kiến bình an nhất chỉ thư

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa
Ở núi cảm hứng

Cách Trường An nghìn dặm về phía nam, có một người quê mùa ở trong núi sâu. Ban ngày yên tĩnh, mây núi che kín cổng tre. Mùa xuân lạnh, hành trúc quanh vườn thuốc trông thưa thớt. Thơ thần dưới bóng trăng, lòng nhớ quê hương. Tiếng nhận đầu mùa khơi thêm dòng lệ biệt ly từ bao năm. Em trai em gái ở nơi quê nhà, bấy lâu bất hần tin tức, không nhận được lá thư nào nói cho biết có bình yên hay không?

Dịch Thơ
Ở núi cảm hứng

Ngoảnh lại trời nam khuất Đế thành,
Chập chùng núi thăm túp lều tranh.
Cửa sài vắng vẻ mây dâng trắng,
Vườn thuốc điều hiu trúc rủ xanh.
Trăng đôi miền quê ngơ ngẩn bóng,
Nhàn khơi lệ biệt sụt sùi canh.
Em xa nhà cách năm tháng,
Không một hàng thư gở gấm tình.

Bản dịch: Quách Tấn

Ở núi cảm hứng

Khuất nẻo Tràng an ngàn vạn dặm,
Có người thôn dã ở rừng xa,
Ban ngày yên tĩnh mây che cửa,
Xuân tiết lạnh lũng trúc mọc thưa.
Thơ thần trông trăng mơ cổ lý,
Bùi ngùi ngắm nhận giọt châu sa.
Đàn em quê cũ ra sao nhỉ?
Chẳng một phong thư báo việc nhà!

Bản dịch: Chi Điền

Ở núi cảm hứng

Kinh đô khuất nẻo dặm ngàn xa,
Giữa chốn non xanh một túp nhà.

Ngày lặn cửa sài mây phủ kín,
Trời xuân vườn thuốc trúc lơ thơ.
Lòng quê lai láng gương thiên rọi,
Lệ cũ đầm đìa tiếng nhận thưa
Xa cách các em tin tức bất
Bình yên mấy chữ thấy đâu mà.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT003 U cư II

Thập tải phong trần khứ quốc xa
Tiêu tiêu bạch phát ký nhân gia
Trường đồ nhật mộ tân du thiểu
Nhất thất xuân hàn cự bệnh đa
Hoại bích nguyệt minh bàn tích dịch
Hoang trì thủy hạc xuất hà ma
Hành nhân mặc tụng Đăng Lâu phú
Cưỡng bán xuân quang tại hải nha

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa
Ở nơi u tịch II

Bỏ quê hương đi suốt mười năm trong gió bụi, đầu bạc lốm đốm, còn phải ăn nhờ ở đậu, cảnh hiện nay của ta là cảnh đường đi còn dài mà trời đã về chiều, lại không tìm ra bạn mới! Giữa mùa xuân, nhà lạnh ngắt, bệnh cũ tái phát. Dưới ánh trăng, thạch sùng leo trên vách nát. Chiếc ao hoang, nước cạn khô, chỉ còn thấy ếch nhái. Ai xa quê hương chớ đọc bài phú Đăng lâu . Quá nửa đời người, ta còn ở nơi chân trời góc biển.

Dịch Thơ
Ở nơi u tịch II

Gió bụi mười năm biệt cố hương
Bơ phờ đầu bạc, đất người nương
Bệnh nhiều, xuân lạnh, nhà đơn chiếc
Bạn ít, chiều sang, bước dậm trường.
Trăng sáng, thạch sùng leo vách nát,
Nước khô, ếch nhái nhảy đầm hoang.
Khách đường chớ đọc Đăng lâu phú
Quá nửa đời người giạt một phương.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT003 U cư II

Thập tải phong trần khứ quốc xa
Tiêu tiêu bạch phát ký nhân gia
Trường đồ nhật mộ tân du thiểu
Nhất thất xuân hàn cự bệnh đa
Hoại bích nguyệt minh bàn tích dịch
Hoang trì thủy hạc xuất hà ma
Hành nhân mặc tụng Đăng Lâu phú
Cưỡng bán xuân quang tại hải nha

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa
Ở nơi u tịch II

Bỏ quê hương đi suốt mười năm trong gió bụi, đầu bạc lốm đốm, còn phải ăn nhờ ở đậu, cảnh hiện nay của ta là cảnh đường đi còn dài mà trời đã về chiều, lại không tìm ra bạn mới! Giữa mùa xuân, nhà lạnh ngắt, bệnh cũ tái phát. Dưới ánh trăng, thạch sùng leo trên vách nát. Chiếc ao hoang, nước cạn khô, chỉ còn thấy ếch nhái. Ai xa quê hương chớ đọc bài phú Đăng lâu . Quá nửa đời người, ta còn ở nơi chân trời góc biển.

Dịch Thơ
Ở nơi u tịch II

Gió bụi mười năm biệt cố hương
Bơ phờ đầu bạc, đất người nương
Bệnh nhiều, xuân lạnh, nhà đơn chiếc
Bạn ít, chiều sang, bước dậm trường.
Trăng sáng, thạch sùng leo vách nát,
Nước khô, ếch nhái nhảy đầm hoang.
Khách đường chớ đọc Đăng lâu phú
Quá nửa đời người giạt một phương.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT004 Tự thân I

Sinh vị thành danh nhân dĩ suy
Tiêu tiêu bạch phát mộ phong xuy
Tính thành hạc hĩnh hà dung đoạn
Mệnh đẳng hồng mao bất tự tri
Thiên địa dữ nhân truân cốt tướng
Xuân thu hoàn nhữ lão tu mi
Đoạn bông nhất phiến tây phong cấp
Tất cánh phiêu linh hà xứ quy

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa
Than thân I

Chưa làm nên danh vọng gì, mình đã suy yếu, mái tóc cũng lốm đốm bạc, phát phơ trước ngọn gió chiều. Tính ta vẫn không thay đổi, giống như chân chim hạc (1), có thể cắt ngắn được sao?? Mệnh ta thì nhẹ tựa lông hồng, mà nào ta có biết! Trời đất phú cho anh bộ râu bạc trắng. Thân nay như ngọn cỏ bông lìa gốc, trước luồng gió tây thổi mạnh, không biết cuối cùng sẽ giạt đến chốn nào?

(1) Hạc hĩnh: Ông chân chim hạc. Sách Trang Tử chép: Chân vịt nước ngắn, nhưng không thể nổi thêm, cũng như chân hạc dài, cũng không cắt bớt được. Ý nói: không thể làm trái tự nhiên, không thể vì hoàn cảnh mà thay đổi bản tính

Dịch Thơ
Than thân I

Danh phận chưa thành, thân yếu đau,
Bơ phờ tóc bạc gió may chiều.
Tính dài chân hạc đành khôn cắt,
Mệnh nhẹ lông hồng có biết đâu!
Trời đất bắt mang nghèo cốt tướng,
Tháng năm đem lại trắng râu.
Gió tây thổi mạnh bông lìa gốc,
Xiêu bạt rồi đây biết chốn nào?

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT005 Tự thán II

Tam thập hành canh lục xích thân
Thông minh xuyên tạc tổn thiên chân
Bản vô năng tự năng tăng mệnh
Hà sự kiện khôn thác đồ nhân
Thư kiếm vô thành sinh kế xúc
Xuân thu đại tự bạch đầu tân
Hà năng lạc phát quy lâm khứ
Ngọa thính tùng phong hưởng bán vân

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa
Than thân II

Tám thân sáu thước, tuổi đã ba mươi. Vì thông minh xuyên tạc mà hại đến thiên chân. Vốn chẳng có văn chương nào ghét số mệnh, làm sao trời đất lại ghét làm người? Văn võ không thành sinh kế quần bách. Hết xuân lại thu, đầu cứ bạc thêm. Ước gì có thể gọt tóc vào rừng, nằm nghe tiếng thông reo lưng chừng mây!

Dịch Thơ
Than thân II

Tám thân sáu thước tuổi ba mươi,
Đeo đẳng thông minh để thiệt đời.
Chữ nghĩa vốn không ghen với mệnh
Đất trời sao nỡ ghét làm ai?
Dở danh thư kiếm lại cùng quần,
Lần lữa xuân thu tóc bạc rồi
Những ước cạo đầu vào núi ẩn,
Đàn thông nằm lắng tiếng lưng trời!

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT006 Bất mị

Bất mị thính hàn canh,
Hàn canh bất khả tận.
Quan sơn dẫn mộng trường,
Châm chữ thôi hàn cận
Phế tảo tụ hà ma,
Thâm đường xuất khâu dận
Ám tụng Thiên vãn chương,
Thiên cao hà xứ vãn?

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa
Không ngủ

Không ngủ nằm nghe tiếng trống canh trong đêm lạnh. Trong đêm lạnh, trống canh điểm không thôi. Quan san làm giấc mộng dài thêm, tiếng chày nện vải càng giục hơi lạnh đến gần. Cóc nhái tụ họp quanh bếp, giun từ góc sâu trong nhà bò ra. Thâm đọc bài ca Hối trời , trời cao, biết đâu mà hỏi?

Dịch Thơ
Không ngủ

Không ngủ nghe đêm lạnh,
Đêm lạnh càng kéo dài
Dậm trường luôn quấy mộng,
Hơi lạnh giục mau chày
Bếp nguội cóc quây lại,
Góc sâu giun ra ngoài
Nằm đọc chương Thiên vãn,
Trời cao biết hỏi ai?

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT007 Mạn hứng I

Bách niên thân thể uỷ phong trần,
Lữ thực giang tân hựu hải tân.
Cao hứng cứu vô hoàng các mộng
Hư danh vị phóng bạch đầu nhân.
Tam xuân tích bệnh bản vô dược,
Táp tải phù sinh hoạn hữu thân.
Giao ức gia hương thiên lý ngoại,
Trạch xa đoạn mã quý đông lân.

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Mạn hứng

Cuộc thế trăm năm phó mặc gió bụi, hết ăn nhờ ở miền sông lại ăn nhờ ở miền biển. Đã lâu rồi, lúc cao hứng, không còn áp ủ giấc mộng gác vàng nữa, nhưng hư danh nào đã buông tha kẻ bạc đầu này. Suốt ba tháng xuân, ốm liên miên, nghèo đến nỗi không có tiền cắt chén thuốc. Cuộc phù sinh ba mươi năm, có thân nên sinh mối lo. Nhớ quê hương ngoài ngàn dặm, thấy người hàng xóm an nhàn ngồi xe con, ngựa kéo đi đứng đỉnh mà thẹn cho mình.

Dịch Thơ

Mạn hứng

Trăm năm thân thể mặc phong trần,
Bãi bãi bờ sông cứ lữ lân.
Cao hứng gác vàng tiêu tán mộng,
Hư danh đầu bạc buộc ràng thân.
Trọn xuân bệnh hoạn không thang thuốc,
Ba chục phù sinh luống ngại ngần.
Nghìn dặm xa quê lòng khắc khoải,
Thẹn nhìn xe ngựa khách đông lân.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT008 Mạn hứng II

Hành cước vô căn nhiệm chuyển bồng,
Giang nam giang bắc nhất nang không
Bách niên cùng tử văn chương lý,
Lục xích phù sinh thiên địa trung
Vạn lý hoàng quan tương mộ cảnh
Nhất đầu bạch phát tàn tây phong
Vô cùng kim cô thương tâm xứ,
Y cựu thanh sơn tịch chiếu hồng.

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Mạn hứng II

Chân không bén rễ, mặc cho trôi giạt như ngọn cỏ bồng. Một chiếc đũa rồng không, đi hết phía nam sông, lại phía bắc sông. Cuộc đời trăm năm, kiệt xác với văn chương. Tắm thân sáu thước, lênh đèn trong vòng trời đất. Đội mũ vàng, đi muôn dặm, cảnh đã xế chiều. mái tóc bạc lốm đốm, gió tây thổi tung. Chuyện kim cô gọi lại bao nhiêu điều thương tâm. Dãy núi xanh đằng kia vẫn nhuốm bóng chiều hồng như cũ.

Dịch Thơ

Mạn hứng II

Chân không bén rễ bước long đong,
Đất bắc trời nam, túi rồng không.
Chết giữa văn chương đời lẫn quân,
Sống trong trời đất kiếp bình bồng.
Mũ vàng muôn dặm chiều hầu xế,
Tóc bạc trên đầu gió thổi tung.
Kim cô xiết bao lòng cảm cảnh,
Non xanh như cũ bóng chiều hồng.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT009 Tạp ngâm

Đạp biến thiên nha hựu hải nha
Càn khôn tuy tại tức vì gia
Bình sinh bất khởi thương dăng niệm
Kim cổ thủy đồng bạch nghị oa
Liêu lạc tráng tâm hư đoản kiếm
Tiêu điều lữ muện đối thời ca
Bế môn bất ký xuân thâm thiển
Đản kiến đường lê lạc tận hoa

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa
Tạp ngâm

Đi khắp chân trời góc biển, trong khoảng trời đất, đến đâu là nhà đó. Bình sinh chưa hề có ý nghĩ của loài ruồi nhặng, xưa nay ai lại cùng chung tổ với lũ mối? Tráng tâm lâm vào cảnh tịch mịch, phụ cả cây đoản kiếm. Nỗi buồn lữ thứ càng trở nên tiêu điều khi nghe những bài hát đương thời. Cửa ngõ đóng kín, chẳng biết xuân sớm hay muện nữa, chỉ thấy cây đường lê rụng hết hoa rồi.

Dịch Thơ

Tạp ngâm

Chân mây góc bể dạo qua rồi
Đâu chẳng nhà ta giữa đất trời
Câu chuyện ruồi xanh đâu nghĩ tới
Cái hang mối trắng chẳng thềm chơi
Thời ca lắng mãi buồn thân khách
Đoản kiếm nhìn thêm thẹn chí trai.
Đóng cửa không hay xuân sớm muện,
Đường lê hoa đã rụng toi bời.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT010 Khất thực

Tằng lãg trường kiểm ý thanh thiên
Triền chuyển nê đồ tam thập niên.
Văn tự hà tăng vi ngã dụng?
Cơ hân bất giác thụ nhân liên!
... (1)

Bài này còn thiếu 4 câu chưa sưu tầm được.

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Xin ăn

Tựa kiểm dài, ngạo nghễ nhìn trời xanh, lãn lộn trong đám bùn dơ ba mươi năm nay. Văn chương nào đã dùng được việc gì cho ta? Đâu ngờ phải đói rét để người thương ...

Dịch Thơ

Xin ăn

Hiên ngang tựa kiểm đứng nhìn trời,
Ba chục năm qua chốn vũng lầy.
Chữ nghĩa ích gì cho cuộc sống?
Áo cơm buồn những chịu ơn người!

...

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT011 Quỳnh Hải nguyên tiêu

Nguyên dạ không đình nguyệt mãn thiên,
Y y bất cải cự thuyền quyên
Nhất thiên xuân hứng, thủy gia lạc,
Vạn lý Quỳnh Châu thử dạ viên.
Hong Lĩnh vô gia huynh đệ tân,
Bạch đầu đa hận tuế thời thiên
Cộng đồ liên như dao tương kiến,
Hải giác thiên nhai tam thập niên.

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Đêm rằm tháng giêng ở Quỳnh Hải

Đêm rằm tháng giêng, sân vắng, trăng sáng đầy trời. Vàng trắng vẫn đẹp như xưa, không hề thay đổi. Chẳng biết nhà ai được hưởng thú vui xuân đêm nay ở đất Quỳnh Châu ngoài muôn dặm này? Còn ta thì ở quê hương Hồng Lĩnh, chẳng còn nhà cửa, anh em cũng đều tan tác cả. Đầu đã bạc, càng giận cho ngày tháng trôi mau. Cảm động biết bao, giữa lúc cùng đường, tuổi đã ba mươi, đang ở nơi chân trời góc biển, mà trăng vẫn từ xa đến với ta.

Dịch Thơ

Đêm rằm tháng giêng ở Quỳnh Hải

Nguyên tiêu sân vắng nguyệt đầy trời,
Vành vạnh như xưa ánh sáng ngời.
Xuân hứng một trời ai hưởng đó,
Quỳnh Châu muôn dặm khách đêm nay
Non Hồng ly tán không nhà cửa
Đầu bạc âu lo mãi tháng ngày.
Lỡ bước luống thương ai gặp gỡ,
Chân trời góc biển, tuổi ba mươi.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

Nguyên tiêu sân vắng ánh trăng đầy,
Vẻ đẹp y nguyên chẳng đổi thay.
Xuân hứng một trời đâu đó xuống,
Quỳnh Châu muôn dặm vẫn tròn xoay.
Non Hồng huynh đệ buồn tan tác,
Đầu bạc công danh giận tháng ngày.
Trong bước đường cùng xa gặp mặt,
Ba mươi năm góc bể phương này.

Bản dịch: Nguyễn Quảng Tuân

Sân vắng đêm rằm rợp bóng trăng,
Vẹn vẻ gương xưa chiếu rạng ngân.
Một trời xuân hứng nhà ai đó,
Muôn dặm Quỳnh Châu sáng trọn vàng.
Hồng Lĩnh không nhà tan huynh đệ,

Bạc đầu thêm giận nổi thời gian.
Đường cùng xa ngó trăng thương cảm,
Góc bể chân trời ba chục năm .

Bản dịch: Hạt Cát

THTT012 Xuân nhật ngẫu hứng

Hoạn khí kinh thời hộ bất khai
Thoan tuần hoàn thử cổ tương thôi
Tha hương nhân dữ khứ niên biệt
Quỳnh Hải xuân tông hà xứ lai
Nam phố thương tâm khan lục thảo
Đông hoàng sinh ý lậu hàn mai
Lân ông bồn tẩu thôn thiên miếu
Đầu tử song cam túy bất hồi

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa
Ngày xuân cảm hứng

Bấy lâu khí trời xấu, cửa đóng kín, quanh quẩn hết mùa nực lại đến mùa rét. Chẳng hay xuân từ đâu đến Quỳnh Hải, còn ta thì phải già từ năm cũ ở đất khách quê người? Đau lòng nhìn bãi cỏ xanh bên bờ nam, và thấy chúa xuân để lộ sinh ý trên cánh hoa mai lạnh. Có ông già hàng xóm, tay cầm nậm rượu và hai quả cam đi về phía miếu đầu thôn, chắc là đang say, không thấy trở về.

Dịch Thơ
Ngày xuân cảm hứng

Mấy lâu trời xấu cửa then cài,
Ấm lạnh lần hồi đã đổi thay.
Đất khách năm qua vừa tiễn biệt
Châu Quỳnh xuân mới lại về đây.
Đông hoàng ý nẩy bông mai trắng
Nam phố buồn xem đám cỏ tươi
Bên phố ông già quanh quẩn mãi,
Trái cam, nậm rượu, khướt cung mây.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT013 Xuân dạ

Hắc dạ thiều quang hà xứ tâm
Tiểu song khai xứ liễu âm âm
Giang hồ bệnh đảo kinh thời cữu
Phong vũ xuân tuy nhất dạ thâm
Kỷ lữ đa niên đẳng hạ lệ
Gia hương thiên lý nguyệt trung tâm
Nam Đài thôn ngoại Long giang thủy
Nhất phiến hàn thanh tổng cổ cầm (kinh).

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Đêm xuân

Trời tối đen, tìm đâu thấy cảnh xuân tươi sáng? Qua khuôn cửa sổ nhỏ, chỉ thấy bóng liễu âm u. Trong bước giang hồ, lại phải nằm bệnh lâu ngày, cuộc đời có khác gì về xuân theo mưa gió chìm trong bóng đêm. Ở đất khách lâu năm, ngồi dưới bóng đèn mà rơi lệ. Quê hương xa nghìn dặm, nhìn trăng mà đau lòng. Ở đó, phía ngoài thôn Nam Đài, tiếng sóng lòng sông Long Giang vẫn lạnh lùng tiễn đưa kim cổ.

Dịch Thơ

Đêm xuân

Đêm xuân nào thấy ánh dương trong,
Hàng liễu âm u đứng trước song.
Ôm liệt, giang hồ bao tháng trải,
Xuân về, mưa gió suốt đêm rùng.
Lâu năm đất khách đèn chong lệ,
Ngàn dặm quê hương nguyệt dải lòng.
Ngoài xóm Nam Đài, Long Thủy chảy.
Trôi hoài kim cổ một dòng không.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT014 Thu chí

Tứ thời hảo cảnh vô đa nhật
Phao trịch như thoa hoán bất hồi
Thiên lý xích thân vi khách cữu
Nhất đỉnh hoàng diệp tổng thu lai
Liên thủy tiểu các tây phong động
Tuyệt âm cùng thôn hiều giắc ai
Trù trưởng lưu quang thôi bạch phát
Nhất sinh u tứ vị tăng khai

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Thu đến

Trong bốn mùa, không được mấy ngày cảnh đẹp. Thời gian vun vút trôi qua như thoi đưa, gọi không trở lại. Trơ trọi một mình ngoài ngàn dặm, nơi đất khách đã lâu ngày, giờ đây một sân đầy lá vàng thu đưa đến. Nặng gió tây lay động bức màn trước gác nhỏ, nơi thôn xóm, sương xuống mịt mù, tiếng tù và buổi sớm nghe đến nỗi nùng! Thời gian thấm thoắt làm cho mái tóc chóng bạc. Nghĩ mà ngậm ngùi, suốt đời ta chưa hề gỡ được mối u sầu.

Dịch Thơ

Thu chí

Bốn mùa cảnh đẹp được bao ngày
Vùn vút thoi đưa gọi chẳng lùi.
Ngàn dặm năm châu thân khách trọi,
Một sân thu đến lá vàng bay
Gió tây, gác nhỏ, rèm lay động,
Còi sớm, làng xa, tuyết phủ đầy.
Ngày tháng trôi mau buồn tóc bạc,
Nỗi riêng u uất chữa chẳng khuây.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT015 Thu dạ I

Phồn tinh lịch lịch lộ như ngân,
Đông bích hàn trùng bì cánh tân.
Vạn lý thu thanh thôi lạc điệp,
Nhất thiên hàn sắc tảo phù vân
Lão lai bạch phát khả liên nhữ
Trú cửu thanh sơn vị yếm nhân
Tối thị thiên nhai quyện du khách
Cùng niên ngoạ bệnh Tuế giang tân

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Đêm thu

Sao dày đặc, trông rõ mờ mờ, sương trắng tựa bạc vách phía đông, dễ gặp lạnh, kêu buồn thảm. Suốt muôn dặm, tiếng thu giục lá cây rụng. Bầu trời lạnh ngắt, không một vầng mây. Đến tuổi già, mái tóc bạc, trông mà thương cho anh! Ở mãi nơi đây, thế mà rừng núi xanh kia vẫn chưa chán người. Buồn nhất là kẻ du khách ở nơi chân trời đã mỏi mệt, lại suốt năm đau ốm, nằm trên bên Tuế giang này.

Dịch Thơ

Đêm thu

Sao sáng đầy trời sương tực bạc,
Sâu từng kêu lạnh giọng bi ai.
Một trời khí buốt xua mây lạnh,
Muôn dặm hơi thu giục lá rơi.
Ở mãi, non xanh chưa chán khách,
Về già tóc bạc khá thương người.
Bên trời du khách chân đà mỏi,
Sông Tuế quanh năm cứ ốm hoài.

bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT016 Thu dạ II

Bạch lộ vi sương thu khí thâm
Giang thành thảo mộc cộng tiêu sâm
Tiễn đặng độc chiếu sơ trường dạ
Ác phát kinh hoàn mặt nhật tâm
Thiên lý giang sơn tần trưởng vọng
Tứ thời yên cảnh độc trầm ngâm
Tảo hân dĩ giác vô y khổ
Hà xứ không khuê thôi mộ châm

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Đêm thu II

Móc trắng thành sương, hơi thu đã già. Cây cỏ quanh thành bên sông, trông đến tiêu điều! Khêu ngọn đèn cho chiến rọi vào cảnh đêm dài mới bắt đầu. Búi tóc mà lo cho chí nguyện những ngày tàn tạ. Non sông ngàn dặm cứ nhìn là thấy buồn. Phong cảnh bốn mùa, riêng mình ngâm ngùi. Mới rét, đã khổ vì không áo, mà hơi đâu tiếng đập vải của người khuê phụ rộn rã trong chiều hôm?

Dịch Thơ

Đêm thu II

Hơi thu nặng trĩu đọng sương mờ,
Cây cỏ giang thành cảnh xác xơ
Quạnh quẽ đêm dài khêu bắc lại,
Băn khoăn việc nhờ tháng ngày qua.
Non sông nghìn dặm buồn trông ngóng.
Mây nước tư mùa luống ngẩn ngơ.
Chớm lạnh đã hay không áo khô
Tiếng ai nện vải bóng chiều tà?

bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT017 Tống Nguyên Sĩ Hữu nam quy

Nam Sơn hữu điều hàm tinh hoa
Phi khứ phi lai khinh vông la
Hồng Lĩnh hữu nhân lai tổ chủ
Bạc đầu vô lại bất hoàn gia
Sinh bình văn thái tàn lung phượng
Phủ thế công danh tẩu hác xà
Qui khứ cố hương hảo phong nguyệt
Ngộ song vô mộng đảo thiên nha (nhai)

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Tiền bạn Nguyễn Sĩ Hữu về nam

Núi Nam có con chim ngậm tinh hoa bay đi bay về xem thường lưới bẫy. Từ nay Hồng Lĩnh đã có người về làm chủ, còn ta đầu bạc, chẳng nên trò trống gì, mà vẫn không về nhà. Cái dáng nho nhã bình sinh nay xơ xác như con phượng nhốt trong lồng. Công danh thì như con rắn chui tuột vào hang lúc nào rồi. Bạn trở về quê hương tha hồ hưởng thú trăng trong gió mát, trưa nằm ngủ trước cửa sổ, chẳng mơ màng đến chuyện phương trời xa.

Dịch Thơ

Tiền bạn Nguyễn Sĩ Hữu về nam

Núi Nam chim ấy ngậm tinh hoa
Lưới bẫy coi khinh cứ lại qua.
Hồng Lĩnh có người nay đứng chủ,
Bạc đầu thẹn tở vẫn xa nhà.
Công danh rắn lổ đã hun hút,
Vẫn vẽ phượng lồng đứng xác xơ.
Quê cũ bạn cùng trăng gió đẹp,
Giấc trưa băng mộng chốn trời xa.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT018 Lưu biệt Nguyễn đại lang

Tây phong tiêu tấp phát cao lâm
Khuyh tận ly bôi ngoại dạ thâm
Loạn thể nam nhi tu đối kiếm
Tha hương bằng hữu trung phân khâm
Cao sơn lưu thủy vô nhân thức
Hải giác thiên nhai hà xứ tâm
Lưu thủ Giang Nam nhất phiến nguyệt
Dạ lai thường chiếu lưỡng nhâm tâm

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Bài thơ lưu lại khi cùng anh Nguyễn chia tay

Gió tây hiu hắt thổi qua rừng cây cao. Hãy cạn chén rượu biệt ly này rồi cùng nhau nói chuyện đến khuya. Trai thời loạn nhìn thanh kiếm mà thẹn. Chia tay bạn, ở đất khách, càng thấy buồn ngủi. Khúc đàn cao sơn lưu thủy, ai người hiểu? Rồi đây biết tìm anh nơi đâu ở góc bể chân trời? Chỉ còn lại mảnh trăng phía nam sông đêm đêm soi chung tấm lòng hai ta.

Dịch Thơ

Bài thơ lưu lại khi cùng anh Nguyễn chia tay

Gió thu hiu hắt thổi rừng cao,
Cạn chén đêm khuya chuyện dạt dào.
Thời loạn nam nhi sầu đối kiếm,
Quê người bầu bạn tủi chia bào.
Cao sơn lưu thủy nào ai hiểu,
Góc bể chân trời biết kiếm đâu?
Còn đó Giang Nam trắng một mảnh,
Đêm đêm soi tỏ nỗi lòng nhau.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT019 Họa Hải Ông Đoàn Nguyễn Tuấn

Hoành Sơn sơn ngoại lĩnh nam trình
Cần kiếm tương thủy thưởng ngọc kinh
Thỏ tuỷ vị hoàn tân đại dược
Báo bì nhưng luy cự phù danh
Thương minh thủy dẫn bôi trung lục
Cổ quốc thiên tuỷ mã hậu minh
Thử khứ gia huynh như kiến vấn
Cùng đồ bạch phát chí tinh tinh

(trích Hải Ông tập)

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Họa vãn bài thơ "năm Giáp Dần (1794), vâng mệnh vào kinh Phú Xuân, lúc lên đường lưu biệt các bạn ở Bắc Thành" của Hải Ông Đoàn Nguyễn Tuấn

Bên kia dãy núi Hoành Sơn, ông lên đường đi vào phía nam, mang theo gương đàn vào Kinh. Ông lấy tuỷ con thỏ chế vị thuốc tiên chưa xong, thì đã lại mang luy vì danh hã, như con báo mang luy vì cái lột da. Nước biển ánh vào chén rượu màu xanh biếc, mảnh trăng quê hương dỗi theo vó ngựa. Lần nay ông vào, gặp anh tôi có hỏi, nhờ nói lại rằng tôi đang ở bước đường cùng, và tóc đã lốm đốm bạc.

Đoàn Nguyễn Tuấn là con Đoàn Nguyễn Thực, đỗ Hương Cống đời Lê, có chiêu mộ người làng giúp Trịnh Bồng đánh Chính, sau ra giúp Tây Sơn, làm đến chức Tả Thị Lang Bộ Lại, tước Hải Phái Bá. Có đi sứ Trung Quốc năm 1790 và có tập thơ nhan đề Hải Ông tập. Ông là anh vợ Nguyễn Du, hơn Nguyễn Du khoảng 15 tuổi.

Dịch Thơ

Họa vãn bài thơ "năm Giáp Dần (1794), vâng mệnh vào kinh Phú Xuân, lúc lên đường lưu biệt các bạn ở Bắc Thành" của Hải Ông Đoàn Nguyễn Tuấn

Vào nam đường ấy vượt non Hoành,
Xách kiếm ôm cầm thẳng tới kinh.
Tuỷ thỏ chưa thành thang đại dược,
Da beo còn luy cái phù danh.
Bể khơi sóng gợn bầu pha biếc,
Quê cũ trăng treo ngựa thẳng bành.
Bác gặp anh tôi như có hỏi,
Tóc đầu đốm trắng bước lênh đênh.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT020 Bát muện

Thập tải trần ai ám ngọc trừ,
Bách niên thành phủ bán hoang khư.
Yêu ma trùng điệp cao phi tận,
Trĩ uế càn khôn huyết chiến dư.
Tang tử binh tiền thiên lý lệ,
Thân bằng đẳng hạ sở hàng thư.
Ngư long lãnh lạc nhàn thu dạ,
Bách chủng u hoài vị nhất sư.

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Xua nỗi buồn

Cái bụi che mờ thêm ngọc mười năm nay. Thành phủ xây dựng trăm năm trước, một nửa thành gò hoang, các loài chim nhỏ bé đều bay lên cao hết. Sau các cuộc huyết chiến, cõi càn khôn trở nên nhơ nhớp. Quê nhà trong cơn binh lửa hă đã tiêu điều, ở xa muôn dặm nghĩ đến mà rơi nước mắt. Bận bề, bà con chỉ còn lại mấy hàng thư dưới đèn. Đêm thu vắng, cá rồng lặng lẽ, trăm mối u hoài chưa dẹp được chút nào!

Dịch Thơ

Xua nỗi buồn

Thêm ngọc mười năm bụi cát mờ,
Trăm năm thành phủ nửa tiêu sơ.
Chim sâu nhỏ bé bay cao hết,
Huyết chiến qua rồi sông núi dơ.
Binh lửa quê nhà nghìn dặm lệ,
Thân bằng dưới nền mấy hàng thư.
Cá rồng lặng lẽ đêm thu vắng,
Trăm mối u hoài khó dẹp chưa!

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT021 Trệ khách

Trệ khách yêm lưu Nam Hải trung,
Tịch liêu lương dạ dữ thủy đồng?
Quy hồng bi động thiên hà thủy,
Thú cổ hàn xâm hạ dạ phong.
Nhân đoá cùng đồ vô hảo mộng,
Thiên hồi khổ hải xúc phù tung.
Phong trần đội lý lưu bì cốt,
Khách chầm tiêu tiêu lưỡng mãn bông.

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Người khách bệ trệ

Người khách bệ trệ nằm bẹp mãi ở vùng biển nam. Đêm đẹp vắng lặng, biết trò chuyện cùng ai? Con chim hồng bay về, tiếng kêu bi thương vang động nước sông Ngân. Tiếng trống cầm canh lạnh cả gió đêm hè. Con người ta đến bước đường cùng không thể có mộng đẹp. Trời d0ưa bệ khổ lại giục gót phiêu lưu. Trong đám người phong trần, mình để lại bộ xương bọc da, nằm nơi đất khách, hai mái tóc bạc loà xoà trên gối.

Dịch Thơ

Người khách bệ trệ

Bể Nam rày lửa lại mai lần,
Vắng bạn đêm thanh chỉ một thân.
Trống thú lạnh tê làn gió hạ,
Tiếng hồng xao động nước sông Ngân.
Đường cùng khó thể ươm mơ đẹp,
Bể khổ xui nên giục gót chân.
Gối khách bơ phờ hai mái tóc,
Xương da một mảnh kiếp phong trần.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT022 Đại nhân hý bút

Thác lạc nhân gia Nhị Thủy tân
Cư nhiên biệt chiếm nhất thành xuân.
Đông tây kiêu các kiêm thiên khởi,
Hồ Hán y quan đặc địa phân.
Mục túc thu kiêu kim lạc mã,
Bồ đào xuân túy ngọc lân nhân.
Niên niên tự đặc phồn hoa thắng,
Bất quản nam minh kỷ độ trần.

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Thay người khác, viết đùa

Trên bãi sông Nhị, nhà cửa lô nhô, nghiêm nhiên chiếm cảnh xuân của cả một thành. Phía đông và phía tây, cầu và nhà gác cao ngút trời. Áo mũ chia hẳn người Hán với người Hồ. Mùa thu, ngựa đeo giâm vàng kiêu hãnh ăn rau mục túc. Ngày xuân, người trong lầu ngọc uống rượu bồ đào say mê. Tha hồ hưởng thú phồn hoa hết năm này đến năm khác, không quản bề Nam mấy phen nổi bụi.

Dịch Thơ

Thay người khác, viết đùa

Nhà ai bên Nhị mọc lô nhô,
Chiếm cả bầu xuân hết một khu.
Tả hữu đôi bên cầu gác dựng,
Hán Hồ khác lối áo quần phô.
Giâm vàng ngựa kén mầm rau ngọt,
Lầu ngọc người say thú rượu nho.
Cảnh đẹp năm năm riêng hưởng thú,
Mặc cho Nam hải bụi bay mù!

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT023 Vị hoàng doanh

Vị Hoàng giang thượng Vị Hoàng doanh
Lâu lỗ sâm si tiếp thái thanh.
Cổ độ tà dương khan ẩm mã,
Hoang giao tỉnh dạ loạn phi huỳnh.
Cổ kim vị kiến thiên niên quốc,
Hình thể không lưu bách chiến danh.
Mạc hướng Thanh Hoa thôn khẩu vọng,
Điệp sơn bất cải cựu thời thanh.

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa
Quân doanh Vị Hoàng

Cạnh sông Vị Hoàng có quân doanh Vị Hoàng, chòi gác nhấp nhô, cao tận trời. Ở bên đò xưa, buổi chiều, trông thấy ngựa uống nước. Giữa cánh đồng hoang, đêm thanh vắng, đóm bay lập loè. Xưa nay chưa thấy triều đại nào đứng vững ngàn năm. Nơi đây chỉ còn lại cái tiếng đã trải qua trăm trận đánh. Thôi, đừng nhìn về phía Thanh Hoa nữa, dãy núi Diệp Sơn vẫn không thay đổi vẻ xanh tươi ngày trước.

Vị Hoàng giang: tên một con sông ở trấn Sơn Nam, nay thuộc Nam Định. Thời Lê, trên bờ sông này có doanh trại Vị Hoàng quan trọng bậc nhất để phòng ngự địch từ miền trong ra, hoặc từ biển vào. Nguyễn Du làm bài thơ này sau khi doanh Vị Hoàng đã bị Tây Sơn chiếm. Tháng sáu năm Bính Ngọ (1786), Nguyễn Hữu Chỉnh dẫn quân Tây Sơn ngược dòng sông, chiếm doanh Vị Hoàng, rồi theo dòng sông tiến thẳng đến Hiến Doanh, tức phố Hiến, thuộc Hưng Yên.

Dịch Thơ
Quân doanh Vị Hoàng

Doanh trại Vị Hoàng bên mé sông,
Nhấp nhô lâu gác ngất tầng không.
Chiều tà ngựa uống ran ngoài bến,
Đêm vắng, huỳnh bay rợp nẻo đồng.
Triều đại ngàn năm xưa vẫn hiêm,
Thế hình trăm trận vẫn còn hùng.
Nhìn về phía xóm Thanh Hoa ấy,
Tam Diệp xanh xanh núi trập trùng.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT024 Độ Phú Nông giang cảm tác

Nông thủy đông lưu khứ,
Thao thao cánh bắt hồi.
Thanh sơn thương vắng sự,
Bạch phát phục trùng lai.
Xuân nhật thương thuyền hợp,
Tây phong cổ lũy khai
Du nhân vô hạn cảm,
Phương thảo biến thiên nhai.

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa
Qua sông Phú Nông cảm tác

Nước sông Phú Nông chảy về đông, cuộn cuộn đi không trở lại. Nhìn ngọn núi xanh mà thương chuyện cũ, nay ta đầu đã bạc mới trở lại chốn này. Ngày xuân, thuyền buôn tấp nập, gió tây thổi thành cũ bỏ trống. Khách du hành cảm tình chan chứa, cỏ thơm xanh rợn chân trời.

Phú Nông giang: cũng gọi là sông Nông, tức là sông Luộc giữa hai tỉnh Hải Hưng và Thái Bình.

Dịch Thơ
Qua sông Phú Nông cảm tác

Phú Nông dòng nước tràn trề,
Luôn luôn chảy mạnh xuôi về hướng đông.
Non xanh việc trước đau lòng
Bạc đầu ta lại long đong chốn này.
Thuyền buôn xuân tới hợp đầy,
Lũy xưa bỏ trống gió tây lạnh lùng.
Khách qua cảm động khôn cùng,
Chân trời man mác một vùng cỏ thơm.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT026 Hoàng Mai kiều vẫn diều

Hoàng Mai kiều thượng, tịch dương hồng,
Hoàng Mai kiều hạ, thủy lưu đông.
Nguyên khí phù trầm thương hải ngoại,
Tình lam thôn cổ loạn lưu trung.
Đoản soa ngư chằm cô chu nguyệt,
Trường tịch đông xuy cổ kính phong.
Đại địa vẫn chương tùy xứ kiến,
Quân tâm hà sự thái thông thông?

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Buổi chiều đứng trên cầu Hoàng Mai ngắm cảnh

Trên cầu Hoàng Mai, bóng chiều nhuộm đỏ, dưới cầu Hoàng Mai, nước chảy về đông. Nguyên khí nổi chìm ngoài biển rộng, khí núi toả từng đợt xuống dòng sông. Dưới ánh trăng, ông chài nằm gối áo tôi trong chiếc thuyền lẻ loi, trên con đường mòn, em bé thổi sáo trước làn gió. Mặt đất rộng lớn ở đâu cũng có cảnh đẹp, anh có việc gì mà phải vội vàng, chẳng dừng chân đứng ngắm?

Dịch Thơ

Buổi chiều đứng trên cầu Hoàng Mai ngắm cảnh

Trên cầu Hoàng Mai bóng xế hồng,
Dưới cầu Hoàng Mai nước về đông.
Chìm nổi bầu trời ngoài mặt biển,
Chập chờn khí núi giữa dòng sông.
Thuyền trắng chài gối chiếc tôi ngán,
Đường gió đồng ngân điệu sáo trong.
Cảnh đẹp ở đâu mà chẳng có,
Vội vàng chi để bận thêm lòng?

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT027 Dao vọng Càn Hải từ

Mang mang hải thủy tiếp thiên xu,
Ẩn ước cô từ xuất tiểu chu (châu).
Cổ mộc hàn liên phù chữ mộ,
Tình yên thanh dần hải môn thu.
Hào thiên tướng tướng đan tâm tận,
Phủ địa Quỳnh Nhai khối nhục vô.
Tiểu nhĩ Minh Phi trường xuất tái,
Tì bà bồi tửu khuyến Thiên Vu.

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa
Xa trông đèn Cờn

Nước biển mênh mông tận chân trời, giữa bãi cát nhỏ thấp thoáng ngôi đèn lẻ loi. Buổi chiều hôm, chòm cổ thụ lạnh lẽo tiếp liền với bến sông đậu đầy chim âu. Giữa mùa thu, làn khói lúc trời tạnh bay ra phía cửa biển. Các bậc tướng văn, tướng võ đã dốc hết lòng son, bây giờ đành kêu trời. Bà Dương Thái hậu khi đến đất Quỳnh Nhai, vô đất khóc, vì không còn ai dòng dõi họ Triệu nữa. Cười cho bà Minh Phi đem thân ra ngoài cửa ải, phải gảy đàn tì bà, chúc rượu mua vui cho chúa Thiên Vu!

Dịch Thơ
Xa trông đèn Cờn

Mặt nước mênh mông bể lẫn trời,
Ngôi đèn thấp thoáng bãi ngoài khơi.
Bến phù chiều tới cây man mác,
Cửa bể thu dồn khói tả tơi.
Khanh tướng uổng bao lòng tiết nghĩa,
Quỳnh Nhai vùi khối thịt mỡ xôi.
Nực cười cho ả Minh Phi nhé,
Rượu chúc đàn ngân nịnh chúa Hời.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT029 Ưc gia huynh

Lục Tháp Thành nam hệ nhất quan,
Hải Vân dạ độ thạch toàn ngoan.
Cùng xu lam chương tam niên thú,
Cố quốc yên hoa nhị nguyệt hàn.
Nhất biệt bất tri hà xứ trú?
Trùng phùng đương tác tái sinh khan.
Hải thiên mang điều thiên dư lý,
Thần phách tương cầu mộng diệc nan!

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa
Nhớ anh

Chức quan buộc chân anh ở phía nam thành sáu tháp. Đi vào đó ban đêm phải vượt đèo Hải Vân, đá lởm chởm. Anh ở nơi hẻo lánh đầy khí độc ấy ròng rã đã ba năm trời. Tiết tháng hai lạnh lẽo chắc nhớ hoa khổi ở quê nhà lắm, kể từ khi từ biệt, nay không biết đích xác ở nơi nào. Cuộc trùng phùng có lẽ phải đợi đến kiếp sau. Trời bể mệnh mang, đường xa nghìn dặm, hồn phách tìm nhau trong giấc mộng cũng thấy khó khăn.

Gia huynh: Túc Nguyễn Nễ, hơn Nguyễn Du 5 tuổi. Làm việc với triều Tây Sơn. Năm Giáp Dần (1794), ông làm Hiệp Tán Nhung Vụ vào giữ thành Qui Nhơn. Bài thơ của Nguyễn Du làm vào thời kỳ này.

Lục Tháp Thành: Túc thành Qui Nhơn hay Bình Định.

Dịch Thơ
Nhớ anh

Quan nơi sáu tháp thân ràng buộc,
Đêm tối qua đèo đá nhấp nhô.
Ba tết dòn xa miền hẻo lánh,
Tháng hai quê cũ cảnh tiêu sơ.
Chia tay chẳng biết phương nào trú,
Gặp mặt âu đành kiếp khác chờ.
Trời bể mịt mù ngàn dặm thăm,
Tìm nhau khó cả thấy trong mơ!

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT030 Ký mộng

Thệ thủy nhật dạ lưu,
Du tử hành vị quy.
Kính niên bất tương kiến,
Hà dĩ ủy tương ti (tư).
Mộng trung phân minh kiến,
Tầm ngã giang chi mi.
Nhan sắc thị trù tích,
Y sức đa sâm si.
Thì ngôn khổ bệnh hoạn
Kế ngôn cữu biệt ly.
Đái khắp bất chung ngữ,
Phảng phát như cách duy
Bình sinh bất tức lộ,
Mộng hồn hoàn thị phi?
Điệp sơn đa hồ trĩ,
Lam thủy đa giao ly.
Đạo lộ hiểm thả ác,
Nhược chất tương hà y?
Mộng lai cô đang thanh,
Mộng khứ hàn phong xuy.
Mỹ nhân bất tương kiến,
Nhu tình loạn như ti
Không ốc lậu tà nguyệt,
Chiếu ngã đan thường y.

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa
Ghi lại giấc mộng

Nước chảy suốt ngày đêm, người đi xa không về. Bao nhiêu năm không gặp, biết lấy gì yên ủi mỗi nhớ mong? Nay trong mộng thấy rõ ràng đến tìm ta ở bên sông này! Về mặt thì như xưa, nhưng quần áo xóc xếch. Thoạt tiên, kể nỗi khổ đau, rồi than thở nỗi lâu ngày xa cách. Sụt sùi không nói ra lời. Nhìn phảng phát như cách nhau một bức màn. Bình sinh vốn không biết đường vào đây, mộng hồn chẳng rõ thực hay hư? Núi Tam Điệp nhiều hồ báo, sông Lam Giang lắm thường luồng. Đường bộ hay đường thủy đều hiểm trở. Thân yếu đuối nhờ cậy ai? Mộng đến, ngọn đèn cô đơn rọi sáng, mộng tàn, gió thổi lạnh lùng. Người đẹp không thấy nữa, lòng ta như tờ vò. Nhà trống, ánh trăng xé lọt vào, chiếu xuống tấm áo đơn của ta.

Dịch Thơ
Ghi lại giấc mộng

Dòng nước ngày đêm chảy,
Người đi biệt vẫn mòn.
Bao năm không gặp mặt,
Lấy gì khuây nhớ nhung
Trong mộng rõ ràng thấy,
Tìm ta trên bến sông
Mặt mặt vẫn như trước,
Áo quần hơi lòng thòng.
Trước nói chuyện đau ốm,

Sau nói nổi chờ mong.
Nghẹn ngào không kể xiết,
Phảng phất như cách mừng.
Bình sinh không thuộc lối,
Hồn mộng biết đúng không?
Núi Đập nhiều hồ báo,
Sông Lam nhiều thường luồng,
Đường sá hiểm lại dữ,
Thân yếu cậy ai cùng?
Mộng đến đèn leo lét,
Mộng tỉnh, gió lạnh lòng.
Người đẹp không thấy nữa.
Vò rối mối tơ lòng
Trăng tà lọt nhà trống,
Soi áo ta mỏng không.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT031 My trung mạn hứng

Chung tử viên cầm thảo nam âm,
Trang Tích bệnh trung do Việt ngâm.
Tứ hải phong trần gia quốc lệ,
Thập tuần lao ngục tử sinh tâm.
Bình Chương di hận hà thời liễu,
Cô Trúc cao phong bất khả tầm.
Ngã hữu thốn tâm vô dữ ngữ,
Hong Sơn sơn hạ Quế giang thâm.

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa
Cảm hứng trong tù

Chung Tử gảy đàn theo điệu Nam, Trang Tích khi ốm ngâm nga bằng tiếng Việt. Khắp bốn bề đầy gió bụi, nghĩ tình nhà việc nước mà rơi lệ, mười tuần nằm trong lao tù, lòng thấp thòm chuyện sống chết. Bao giờ mới hết mối hận Bình Chương? Khó mà có được phong cách cao thượng của người nước Cô Trúc. Ta có một chút tâm sự này, không biết bày tỏ cùng ai. Dưới chân núi Hồng, sông Quế Giang sâu thẳm.

Dịch Thơ
Cảm hứng trong tù

Chung Tử so đàn gảy khúc Nam,
Chàng Trang tiếng Việt ốm còn ngâm.
Phong trần bốn biển non sông khóc,
Lao ngục mười tuần sống thác cam.
Mối hận Bình Chương bao thửa hết?
Tầm gương Cô Trúc khó nơi tìm.
Tắc lòng ta biết cùng ai tỏ
Hong Quế cao sâu phỏng mấy tầm.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT032 Ký Huyền Hư tử

Thiên Thai sơn tiền độc bệ môn,
Tây phong trần cấu mẫn trung nguyên.
Điền gia bất trị Nam Sơn đậu,
Bần hộ thường không Bắc Hải tôn.
Dã hạc phù vân thời nhất kiến,
Thanh phong minh nguyệt dạ vô ngôn.
Viễn lai chí thủ tương tâm lộ,
Gia tại Hồng Sơn đệ nhất thôn.

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Gửi anh Huyền Hư

Nhà tôi ở trước ngọn núi Thiên Thai, luôn luôn đóng cửa. Gió tây tung cát bụi đầy trung nguyên. Là nhà nông, nhưng tôi không trồng đậu ở núi Nam Sơn, nhà lại nghèo, thường để vò trống, không có rượu đãi khách như Khổng Dung. Anh như hạc nội mây ngàn, thỉnh thoảng mới gặp. Tôi ở đây có gió mát trăng thanh nhưng không ai chuyện trò. Anh ở xa đến, thì hãy nhớ đường mà tìm, nhà tôi ở xóm đầu dãy núi Hồng.

Dịch Thơ

Gửi anh Huyền Hư

Trước núi Thiên Thai, cửa bịt bùng,
Gió tây cát bụi khắp non sông.
Nhà nghèo Bắc Hải vò thường trống,
Mảnh ruộng Nam Sơn đậu chẳng trồng.
Hạc nội mây ngàn đôi lúc gặp,
Trăng trong gió mát một lời không.
Nhớ tìm đường lại khi xa đến,
Nhà ở đầu thôn dưới núi Hồng.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT033 Ký giang bắc Huyền Hư tử

Trường An khứ bất tức,
Hương tứ tại thiên nha.
Thiên nha bất khả kiến,
Đàn kiến trần dử sa.
Tây phong thoát mộc điệp,
Bạch lộ tồn hoàng hoa.
Trân trọng hảo tự ái,
Thu cao sương lộ da.

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Gởi anh Huyền Hư ở phía bắc sông

Anh đi Trường An biệt tăm hơi, nhưng chắc vẫn nhớ quê hương ở tận chân trời. Chân trời thì không thấy, chỉ thấy bụi và cát. Gió tây thổi lá rụng, sương xuống làm hoa cúc rụng xác xơ, xin anh hãy giữ mình, càng vào thu, sương càng nhiều.

Dịch Thơ

Gởi anh Huyền Hư ở phía bắc sông

Trầy kinh bất tăm tức,
Nhớ quê tận chân trời.
Chân trời không thể thấy,
Thấy cát bụi rơi bời.
Gió tây thổi lá rụng,
Sương xuống hoa vàng phai.
Giữ mình xin anh nhớ,
Thu sang sương nặng rơi.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT034 Ký hữu

Mạc mạc trần ai mãi thái không,
Bể môn cao chằm ngoạ kỳ trung.
Nhất thiên minh nguyệt giao tình lại,
Bách lý Hồng Sơn chính khí đồng.
Nhấn đề phù vân khan thể sự,
Yêu gian trường kiếm quả thu phong.
Vô ngôn độc đối đình tiền trúc,
Sương tuyết tiêu thời hợp hoá long.

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa
Gửi bạn

Cát bụi đầy trời mịt mù. Đóng cửa gối cao nằm khăn trong nhà. Trăng sáng giữa trời, tình bạn còn đó. Non Hồng trăm dặm, cùng chung một chính khí. Mắt xem việc đời như một đám phù vân. Thanh kiếm đeo lưng trước làn gió thu, một mình im lặng nhìn đám trúc trước sân, sương tuyết tan rồi, nó sẽ hoá rồng.

Dịch Thơ
Gửi bạn

Bầu trời mù mịt bụi bay đầy,
Đóng cửa nằm khăn nghĩ cũng hay.
Một mảnh giao tình vằng nguyệt tỏ,
Nghìn năm chính khí núi Hồng đây.
Việc đời trước mắt chòm mây đổi
Thanh kiếm bên kung trận gió may,
Đứng lặng trước sân nhìn khóm trúc,
Tuyết sương tiêu hết hoá rồng bay.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT035 Tặng Thực Đình

Thiên hạc đàm ngư hà xứ tâm?
La Thành nhất biệt thập niên thâm.
Đồng niên đối diện cách thiên nhường
Vãng sự hồi đầu thành cổ cầm (kim).
Bạch phát tiêu ma bần sĩ khí,
Đề bào trân trọng cố nhân tâm.
Mạc sâu tịch địa vô giai khách,
Lam Thuỷ Hồng Sơn túc vịnh ngâm.

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa
Tặng anh Thực Đình

Hạc trời, cá đầm biết đâu mà tìm? Từ ngày chia xa ở La Thành chốc đã mười năm. Bạn đồng niên mà xa cách nhau như trời với đất, khó lòng gặp mặt nhau. Chuyện năm trước nay ngoảnh đầu lại đã thành chuyện cổ kim rồi. Tóc bạc làm tiêu ma chí khí của kẻ sĩ nghèo. Chiếc áo sờn anh tặng đủ chứng tỏ lòng quyến luyến của người bạn cũ. Chớ lo cho tôi ở nơi hẻo lánh này không có bạn. Sông Lam núi Hồng có nhiều cảnh đẹp, đủ để mà ngâm vịnh.

Dịch Thơ
Tặng anh Thực Đình

Cá nước chim trời khó lối tìm,
La Thành từ biệt chốc mười năm.
Bạn quen giáp mặt mà xa cách,
Chuyện cũ quay nhìn đã vắng tăm.
Tóc bạc phôi pha mòn sĩ khí,
Áo sờn trân trọng nhớ tri âm,
Chớ lo hẻo lánh không bầu bạn,
Cảnh sẵn Hồng Lam đủ vịnh ngâm.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT036 Phúc Thực Đình

Đông hàn hạ thử cố xâm tâm,
Lão đại đầu lô tuế nguyệt lâm.
Kinh quốc oanh hoa thiên lý ngoại,
Giang hồ soa lập thập niên câm (kinh).
Tụ đầu nan đắc thường thanh mục,
Lý phát đương tri vị bạch tâm.
Lam Thủy Hồng Sơn vô hạn thắng,
Bằng quân thu thập trợ thanh ngâm.

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa
Trả lời anh Thực Đình

Mùa đông lạnh, mùa hạ nóng, lần lửa trôi qua. Năm tháng chồng chất trên đỉnh đầu già cỗi. Cảnh chim hoa chốn kinh kỳ, nay đã ở ngoài ngàn dặm. Mười năm rồi, sống giang hồ với áo tôi nón lá, thường khó gặp được những người bạn mắt xanh mà tụ họp cùng nhau. Gỡ tóc mới biết lòng chưa được giải tỏa. Sông Lam, núi Hồng đẹp vô cùng, tha hồ nhặt nhạnh để làm đề tài ngâm vịnh.

Dịch Thơ
Trả lời anh Thực Đình

Hạ nồng đông lạnh cứ thay nhau,
Năm tháng chất chồng tóc bạc phau.
Tôi nón mười năm nơi lữ thứ,
Chim hoa muôn dặm chốn vương hầu.
Mắt xanh hiếm thấy khi chung mặt,
Lòng trắng còn vương lúc gỡ đầu.
Sông núi Lam Hồng bao cảnh đẹp,
Đề ngâm thu nhặt thiếu gì đâu!

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT037 Tiễn Nguyễn đại lang I

Ngã thả phù giang khứ,
Tổng quân quy cô khâu.
Càn khôn dư thảo ốc,
Phong vũ túc cô chu.
Thu dạ ngư lòng trập,
Thâm sơn mi lộ du.
Hưu kỳ bất thậm viễn,
Tương kiến tại trung châu.

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Tiễn đưa anh Nguyễn

Tôi qua sông, đưa anh về nơi ở cũ. Cả trời đất, chỉ còn lại mái nhà tranh, khi mưa gió thì nằm trong chiếc thuyền trôi. Đêm thu cá rồng ẩn nấp, hươu nai nhón nhơ trong rừng sâu. Ngày vui không còn xa lắm nữa, sẽ gặp nhau ở trung châu.

Dịch Thơ

Tiễn đưa anh Nguyễn

ôi sắp qua sông đây,
Tiễn anh về chốn cũ.
Nhà trơ giữa đất trời,
Thuyền đậu trong mưa gió.
Rồng cá nép đêm thu,
hươu nai đùa góc rú.
Ngày vui chắc cũng gần,
Sẽ ở trung châu đó.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT038 Tiễn Nguyễn đại lang II

Tổng quân quy cố khâu,
Ngã diệc phù giang hán.
Thiên lý bất tương văn,
Nhất tâm vị thường gián.
Dạ hắc sài hồ kiêu,
Nguyệt minh hồng nhận tán.
Lưỡng địa các tương vương,
Phù vân ưng bất đoạn.

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Tiễn đưa anh Nguyễn II

Tiễn anh về nơi ở cũ rồi, tôi cũng lại qua sông. Cách nhau nghìn dặm, vắng tin nhau, lòng không hề nguôi nhớ. Đêm tối sói hổ hoành hành, trăng sáng hồng nhận tan tác. Hai ta ở hai nơi, thường mong ngóng nhau, ước gì đám mây trôi trên trời không bao giờ đứt đoạn.

Dịch Thơ

Tiễn đưa anh Nguyễn II

Tiễn anh về chốn cũ,
Giang hán tôi qua chơi.
Nghìn dặm tuy tin vắng,
Tắc lòng không chút nguôi.
Sói hùm đêm sặc sảo,
Hồng nhận trăng chia phôi.
Đôi ngả những trông ngóng,
Làn mây trôi trôi hoài.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT039 Tiễn Nguyễn đại lang III

Quân quy ngã diệc khứ,
Các tại loạn ly trung.
Sinh tử giao tình tại,
Tồn vong thổ tiết đồng.
Sài môn khai dạ nguyệt,
Tàn lập tẩu thu phong.
Thiên lý bất tương kiến,
Phù vân mê thái không.

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Tiễn đưa anh Nguyễn III

Anh về thì tôi cũng đi. Hai ta cùng sống trong buổi loạn lạc, sống hya chết, tình bạn vẫn nguyên, còn hay mất, tiết khí vẫn giống nhau. Dưới ánh trăng, cửa tre đề ngõ, trong gió thu, anh đi đầu đội nón rách .
Ngàn dặm không trông thấy nhau, chỉ thấy mây trôi mờ mịt chân trời.

Dịch Thơ

Tiễn đưa anh Nguyễn III

Anh về tôi cũng trẩy,
Loạn lạc cùng trong vòng.
Sống thác tình xưa vẹn,
Mất còn nỗi khổ chung.
Cửa sài bóng nguyệt giọi,
Nón rách gió thu lồng,
Ngàn dặm xa nhau mãi,
Mây mờ muôn trượng không.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT040 Hành lạc từ I

Tuần khuyển hoàng bạch mao,
Kim linh hệ tú cảnh.
Khinh sam thiếu niên lang,
Khiên hướng nam sơn lĩnh
Nam sơn đa hương mi,
Huyết nhục cam thả phì.
Kim dao thiết ngọc soạn
Mỹ tửu lữ bách chi.
Nhân sinh vô bách tải,
Hành lạc đương cập kỳ
Vô vi thủ bản tiện,
Cùng niên bất khai mi
Di Tề vô đại danh,
Chích Cước vô đại lợi
Trung thọ chỉ bát thập,
Hà sự thiên niên kế?
Hữu khuyển thả tu sát,
Hữu tửu thả tu khuynh.
Nhân tiền đắc táng dĩ nan nhận,
Hà sự mang mang thân hậu danh?

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa
Hành lạc từ I

Con chó hay, lông vàng đốm trắng, cổ đẹp đeo chuông vàng. Chàng trai trẻ mặc áo cộc, dắt đi về phía núi nam.
Núi phía nam lắm nai hương, huyết thơm, thịt béo. Dao vàng thái món ăn quý, rượu ngon uống hàng trăm chén.
Đời người ai sống đến trăm tuổi, nên kịp thì vui chơi. Tội gì giữ nếp nghèo, suốt năm không mở mày mở mặt!
Di Tề chẳng có danh lớn, Chích Cước cũng chẳng giàu to. Sống lâu chỉ tám mươi tuổi, cần gì tính chuyện ngàn năm.
Có chó cứ ăn thịt, có rượu cứ uống cho hết. Chuyện trước mắt hay dở đã không biết, cần gì lo cái danh xa xôi sau khi chết!

Dịch Thơ
Hành lạc từ I

Chó săn vàng đốm trắng,
Cổ xinh đeo nhạc vàng.
Chàng trẻ áo mặc gọn,
Núi nam dắt thẳng sang.
Núi nam nhiều nai hương,
Huyết ngọt thịt lại ngon,
Thái làm món ăn quý,
Rượu ngon trăm chén luôn.
Người không sống trăm tuổi,
Gặp thì nên vui chơi

Chớ giữ nếp bần tiện,
Lo lắng suốt đời người
Di Tề không danh lớn,
Chích Cước không giàu to,
Trung thọ chỉ tám chục,
Tội gì ngàn năm lo.
Có chó cứ làm thịt,
Có rượu cứ nghiêng bầu.
Được mất trên đời chưa dễ biết,
Cần gì lo tiếng hão về sau.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT041 Hành lạc từ II

Sơn thượng hữu đào hoa,
Xước ước như hồng ý.
Thanh thần lộng xuân nghiên,
Nhật mộ trước nên trĩ.
Hảo hoa vô bách nhật,
Nhân thọ vô bách tuế.
Thế sự đa suy di,
Phù sinh hành lạc sự.
Tịch thương hữu kỹ kiều như hoa,
Hồ trung hữu tửu như kim ba.
Thủy quân ngọc tiêu hoãn cánh cấp.
Đắc cao ca xứ hảo cao ca.
Quân bất kiến Vương Nhung nha trù thủ tự tróc.
Nhật nhật cố kê thường bất túc.
Tam công đài khuy nh hảo lý tự.
Kim tiền tán tác tha nhân phúc.
Hựu bất kiến Phùng Đạo văn niên xung cực quý,
Lịch triều bất ly khanh tướng vị.
Chung minh đỉnh thực cánh hoàn không,
Thiên tải đồ lưu "Trường lạc tự"
Nhân tiền phú quý như phù vân,
Lãng đắc kim nhân tiểu cô nhân.
Cổ nhân phần dinh dĩ lũy lũy,
Kim nhân bồn tẩu hà phân phân.
Cổ kim hiền ngu nhất khâu thổ,
Sinh tử quan đầu mạc năng độ.
Khuyến quân ẩm tửu thả vi hoan,
Tây song nhật lạc thiên tương mộ.

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa
Hành lạc từ II

Trên núi có hoa đào đẹp như lụa đỏ. Sáng sớm còn đùa giỡn với sắc xuân, chiều tối đã nằm trong bùn đất. Hoa đẹp không được trăm ngày, người sống lâu, mấy ai được trăm tuổi. Chuyện đời lắm đổi thay, sống kiếp phù sinh nên cứ vui chơi. Trên tiệc có kỹ nữ đẹp như hoa, trong vò có rượu quý sóng sánh ánh vàng. Tiếng thủy quân, tiếng ngọc tiêu khi mau khi chậm. Được dịp hát to, cứ hát cho to. Há không thấy Vương Nhung tay gảy bàn toán ngà, ngày nào cũng tính toán mà trong bụng vẫn chưa cho là đủ. Đài Tam công cũng đổ, cây mận ngon cũng chết. Bạc vàng tiêu tan cho người khác hưởng. Lại không thấy Phùng Đạo, lúc về già, phú quý xiết bao, trải mấy triều vua không rời chức khanh tướng, thế mà miếng đỉnh chung rút cuộc vẫn là không, nghìn năm chỉ lưu lại có bài Trường lạc tự! Phú quý trước mắt chẳng khác gì phù vân. Người đời nay chỉ biết cười người đời xưa. Người xưa chết, mồ mả vẫn ngồn ngộn đó, người nay sao vẫn bồn tẩu rộn ràng? Xưa nay, kẻ hiền người ngu cũng chỉ tro lại một nắm đất. Không ai vượt qua cửa ải sống chết. Khuyến anh uống rượu rồi vui chơi. Kia trông cửa sổ phía tây, bóng mặt trời đã xế rồi.

Dịch Thơ
Hành lạc từ II

Trên núi có hoa đào,
Tươi đẹp như lụa đỏ.
Sáng mai giỡn màu xuân
Chiều tối lẫn bùn nhò.
Hoa đẹp không trăm ngày,
Người sống không trăm tuổi.
Việc đời thay đổi luôn,
Kiếp người vui có hội
Trên tiệc có gái đẹp như hoa,
Trong hũ có rượu như vàng pha.
Tiếng quân tiếng tiêu khoan lại nhặt,
Được lúc hát ca cứ hát ca.
Người không thấy Vương Nhung bàn toán tự tay đồ,
Ngày ngày tính toán vẫn chưa đủ.
Đài tam công nghiêng, cây mạn tàn,
Tiền bạc tan cho người khác có.
Lại không thấy Phùng Đạo tuổi già cực giàu sang,
Bốn triều khanh tướng ngồi hiên ngang.
Chuông đánh vạc bày đâu thấy nữa?
Nghìn năm Trường lạc còn một chương.
Giấu sang trước mắt như mây bay,
Người nay chỉ biết cười người trước.
Người trước chết chôn đầy tha ma,
Người nay sao vẫn chạy xuôi ngược?
Hiên ngu xưa nay một nắm mồ,
Con đường sống chết ai tránh khỏi.
Khuyên anh uống rượu rồi vui chơi,
Bóng xế hiên tây trời sắp tối.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT042 Liệp

Y quan đặt giả chí thanh vân,
Ngô diệp lạc ngô mi lộc quần.
Giải thích nhàn tình an tại hoạch,
Bính trừ dị loại bất phương nhân.
Xạ miên thiên thảo hương do thấp,
Khuyến độ trùng sơn phệ bất văn.
Phù thế vi hoan các hữu đạo,
Khu xa ủng cái thị hà nhân.

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Đi săn

Những người làm quan hiển đạt, chí thường ở mây, còn ta, ta vui với lũ hươu nai. Đi săn, cốt sao tâm tình thư thái, chứ không cốt bắt được nhiều thú. Mà dù có giết giống khác cũng chẳng hại đến lòng nhân. Con xạ hương ngủ ở bãi cỏ non, mùi hương thơm còn đượm ướm. Con chó chạy băng qua núi, không còn nghe rõ tiếng sủa. Ở đời, mỗi người có một cách tìm thú vui. Lọng đón xe đưa là ai đây nhỉ?

Dịch Thơ

Đi săn

Áo mào đường mây mặc kẻ tài,
Ta vui vui với lũ hươu nai.
Cốt khuây lúc rỗi, mong gì lợi,
Há trái điều nhân, diệt khác loài.
Cỏ ngắn, xạ nằm hương đượm ắm,
Núi sâu chó sủa tiếng ngoài tai.
Thú vui trần thế âu tùy thích,
Xe cưỡi, dù che ấy những ai?

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT043 Sơn thôn

Vạn sơn thâm sứ tuyết phong trần,
Thác lạc sài môn bế mộ vân.
Trường giả y quan do thị Hán,
Sơn trung giáp tí quýnh phi Tần.
Mục nhi giác chuỷ hoang giao mộ,
Cấp nữ đồng liên ngọc tỉnh xuân.
Ná đắc khiêu ly phù thế ngoại,
Trường tùng thụ hạ tối nghi tân.

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Xóm núi

Ở giữa muôn ngọn núi, xa cách gió bụi, mây chiều che kín những cái cổng rải rác đó đây. Áo mũ các cụ già vẫn theo kiểu đời Hán, năm tháng ở trong núi khác hẳn đời Tần. Buổi chiều mục đồng gõ sừng trâu dưới đồng hoang, ngày xuân các cô gái kéo gàu múc nước ở giếng ngọc. Ước gì thoát được trần tục mà ngồi dưới gốc cây tùng, thú biết bao nhiêu!

Dịch Thơ

Xóm núi

Tuyết không gió bụi chốn rừng sâu,
rải rác mây chiều khép cửa lau.
Áo mũ người sang còn Hán nhĩ,
Tháng năm trong núi phải Tần đâu?
Đồng hoang chú mục sừng khua gõ,
Giếng ngọc cô em nước múc gàu.
Sao được thoát ra ngoài cõi tục,
Bóng tùng hóng mát thú dường bao!

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT044 Thôn dạ

Thanh thảo thôn tiền ngoạ lão ông,
Giang nam dạ sắc thương liêm lung.
Mãn thiên minh nguyệt nhất trì thủy,
Bán bích hàn đăng vạn thụ phong.
Lão khứ vị tri sinh kế chuyết,
Chương tiêu thời giác túc tâm không.
Niên niên kết đắc ngư tiều lữ,
Tiểu ngạo hồ yên dã thảo trung.

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Đêm trong xóm

Phía trước thôn Thanh Thảo có một ông già nằm khoèo, bóng tối trên bờ sông nam đã phủ dần lên bức màn. Vân trắng sáng đầy trời rơi xuống mặt nước ao. Ngọn đèn lạnh treo trên vách leo lét trước làn gió muôn cây. Già rồi mà vẫn chưa biết mình vụng đường sinh kế. Hết nghiệp chương mới thấy tấm lòng xưa nhẹ nhõm. Làm bạn với khách tiều ngư hết năm này sang năm khác, và cười ngạo nghề giữa khói mặt hồ và đồng cỏ nội.

Dịch Thơ

Đêm trong xóm

Thanh thảo thôn bên một lão già,
Bờ sông bóng tối cuốn rèm thưa.
Một trời trăng bạc ao lồng bóng,
Nửa vách đèn xanh gió thổi qua.
Già đến nào hay sinh kế vụng,
Chương tan mới thấy tính tình thư.
Năm năm kết bạn ngư tiều ấy,
Cỏ nội mây ngàn thoả thích chưa!

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT045 Tập ngâm I

Thu thanh nhất dạ lộ Lam Hà,
Vô ảnh vô hình nhập ngã gia.
Vạn lý tây phong lại bạch phát,
Nhất song thu sắc tại hoàng hoa.
Bách niên ai lạc hà thời liễu?
Tứ bách đồ thư bất yếm đa.
Đình thực cô tùng cao bách xích,
Bất tri Thanh Đế nại nhân hà?

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa
Tập ngâm I

Tiếng thu bỗng một đêm vượt qua sông lam, không bóng, không hình luôn vào nhà ta. Gió tây muôn dặm làm cho mái tóc ta thêm bạc, sắc thu trên khóm hoa vàng đầy cửa sổ. Cuộc vui buồn trăm năm bao giờ mới hết? Sách vở đầy bốn vách, bao nhiêu cũng vừa. Trước sân, ta trồng một cây tùng cao trăm thước, không biết chúa Xuân sẽ làm gì được người trồng cây?

Dịch Thơ
Tập ngâm I

Sông Lam một tối tiếng thu qua,
Không bóng không hình đến với ta.
Muôn dặm gió tây đầu bạc tóc,
Đầy song thu nhuộm cúc vàng hoa.
Trăm năm vui khổ bao giờ hết?
Bốn vách thi thư mấy cũng vừa.
Tùng nọ trước sân trăm thước lớn,
Chúa Xuân rồi nữa có ghen a?

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT046 Tập ngâm II

Long Vĩ Giang đầu nhất ốc giang,
U cư sâu cực hốt tri hoan
Đạt nhân tâm cảnh quang như nguyệt,
Xử sĩ môn tiền thanh giả san.
Chăm bận thúc thư phù bệnh cốt.
Đăng tiền đầu tửu khởi suy nhan.
Táo đầu chung nhật vô yên hoà,
Song ngoại hoàng hoa tú khả xan.

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Tập ngâm II

Đầu sông Long Vĩ có một căn nhà, người ẩn ở đó đang buồn cực độ, bỗng trong lòng thấy vui. Cõi lòng người khoáng đạt, sáng tỏ như vàng trắng. Trước cửa nhà xử sĩ toàn là núi xanh. Cạnh gối, có chồng sách đỡ tấm thân bệnh tật, trước đèn, uống chén rượu cho sắc mặt tiêu tụy tươi tỉnh lên. Suốt ngày, bếp không đỏ lửa, ngoài cửa sổ, đoá cúc vàng tươi tốt có thể ăn được.

Dịch Thơ

Tập ngâm II

Đầu sông Long Vĩ một gian nhà,
Ở ẩn buồn teo bỗng thú a!
Đạt sĩ cõi lòng trắng sáng tỏ,
Cao nhân trước cửa núi bao la.
Sách chồng cạnh gối đỡ thân mệt,
Rượu nhấp bên đèn đổi sắc da.
Trong bếp suốt ngày không khói lửa
Ngoài song no với khóm vàng hoa.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT047 TẬP NGÂM III

Mạc mạc thu quanh bát nguyệt thâm,
Mang mang thiên khí bán tình âm.
Thu phong cao trúc minh thiên lại,
Linh vũ hoàng hoa bố địa cầm (kim).
Viễn tỵ hàn xâm du tử mộng,
Trùng đảm thanh cộng chủ nhân tâm.
Xuất môn từ bộ khan thu sắc,
Bán tại giang đầu phong thụ lâm.

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Tập Ngâm III

Tháng tám, cảnh thu già lặng lẽ, khí trời mênh mang, nửa râm, nửa nắng. Bụi trúc cao, gió thu thổi, tiếng sáo trời nổi lên. Hoa cúc sau trận mưa, rơi xuống như rắc vàng trên mặt đất. Khi lạnh ở rặng núi xa thẳm vào giấc mộng người du tử. Nước đầm trong vắt như lòng chủ nhân. Ra cửa, bước thong thả, ngắm sắc thu, thấy một nửa ở trên giải rừng phong mé đầu sông

Dịch Thơ

Tập Ngâm III

Tháng tam thu sang nét đã già,
Bầu trời nửa sáng nửa như mờ.
Trúc reo trước gió trời khua sáo,
Cúc toả sau mưa vàng rắc hoa.
Núi lạnh lạnh hoá hồn mộng khách,
Đầm trong trong suốt tấm lòng ta.
Cửa ngoài dạo gót nhìn thu sắc,
Nửa gửi rừng phong ngọn nước xa

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT048 Tập thi I

Tráng sĩ bạch đầu bi hướng thiên,
Hùng tâm sinh kế lưỡng mang nhiên.
Xuân lan thu cúc thành hư sự,
Hạ thử đông tàn đoạt thiếu niên.
Hoàng khuyến truy hoan Hồng Lĩnh hạ,
Bạch vân ngoạ bệnh Quế Giang biên.
Thôn cư bất yếm tàn cô tửu,
Thượng hữu nang trung tam thập tiền.

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Thơ vụn I

Tráng sĩ đầu bạc ngừng nhìn trời, lòng bi đát, hùng tâm, sinh kế cả hai đều mờ mịt. Xuân lan thu cúc đã thành chuyện hão, đông rét hè nóng cướp cả tuổi xuân. Dắt chó đi săn, mãi vui dưới chân núi Hồng Lĩnh. Trong mây trắng, nằm bệnh bên sông Giang Quế. Ở thôn quê, thích nhất được mua rượu uống luôn, trong túi hãy còn ba mươi đồng tiền đây.

Dịch Thơ

Thơ vụn I

Trai tài đầu bạc ngóng trời than,
Dựng nghiệp mưu sinh lưỡng lỡ làng.
Thu cúc xuân lan thành chuyện hão,
Hạ nồng, đông rét giục ngày tàn.
Chó vàng thủ mãi quanh Hồng Lĩnh,
Mây trắng đau nằm cạnh Quế Giang.
Vẫn thích ở quê luôn có rượu,
Ba mươi đồng sẵn túi còn mang.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT049 Tập thi II

Hồng Sơn nhất sắc lâm bình cù,
Thanh tịch khả vi hàn sĩ cư.
Thiên lý bạch vân sinh kỷ tịch
Nhất song minh nguyệt thương cầm thư
Tiểu đề tuần tục can qua tế,
Giam mặc tàng sinh lão bệnh dư.
Diệp lạc hoa khai nhĩn tiền sự,
Tứ thời tâm kính tự như như.

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Thơ tập II

Núi Hồng một màu soi xuống làn nước phẳng. Kê hàn sĩ có thể ở được nơi thanh tú tịch mịch này. Mây trắng từ nghìn dặm bay đến bên giường, trăng sáng soi qua cửa sổ, chiếu vào túi đàn cặp sách. Buổi loạn lạc, cười khóc cũng phải theo đời. Thân già yếu nên im lặng giữ mình, chuyện trước mắt đổi thay như hoa nở lá rụng. Quanh năm, cõi lòng vẫn thản nhiên như không.

Dịch Thơ

Thơ tập II

Trên dải non Hồng dưới làn nước,
Nho nghèo ở đó cũng thanh nhàn.
Nghìn tâm mây bạc quanh giường chiếu
Một mảnh trăng trong rọi sách đàn.
Cười khóc theo đời quan buổi loạn,
Trầm tiền giữ miệng dưỡng thân tàn.
Lá rơi hoa nở việc trước mắt
Tâm trạng quanh năm vẫn nhẹ nhàng.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT053 Ngõa bệnh I

Đa bệnh đa sầu khí bất thư,
Thập tuần khốn ngộ Quế Giang cư
Lệ thần nhập thất thôn nhân hách
Cơ thử duyên sàng khiết ngã thư
Vị hữu văn chương sinh nghịet chương
Rất dung trần cấu tạo thanh hư.
Tam lan song hạ ngâm thanh nguyệt,
Điểm điểm tinh thần du thái sơ.

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Năm bệnh I

Lắm bệnh hay buồn, tâm thần không được thư thái. Mười tuần nay, nằm co bên bờ Quế Giang. Thần ôn vào nhà muốn bắt vía người, chuột đói leo giường gặm sách của ta. Chưa từng có chuyện văn chương sinh nghịet chương, không để cho bụi bặm lẫn vào nơi trong sạch. Dưới cửa sổ trồng ba khóm lan, vắng bật tiếng ngân nga, tinh thần dần dần về cõi hư không.

Dịch Thơ

Năm bệnh I

Bệnh sâu sâu bệnh cứ liên miên,
Sông Quế nằm co mấy tháng liền.
Lên bước bắt hồn thần chẳng nể,
Leo giường gặm sách chuột không kiêng.
Văn chương chưa thấy mang thân lụy,
Cát bụi đừng cho lẫn tính thiêng.
Cửa sổ ngâm nga đã dứt tiếng,
Tinh thần nhẹ nhõm tưởng lên tiên.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT054 Ngõa bệnh II

Xuân hàn hạ thử cố tương xâm,
Nhất ngọa Hồng Sơn tuế nguyệt thâm.
Minh kính tiểu hàn khai lão sáu,
Sài phi dạ tĩnh bế thân ngâm.
Thập niên tức tật vô nhân vấn,
Cửu chuyển hoàn đan hà xứ tầm?
An đắc huyền quan minh nguyệt hiện,
Dương quan hạ chiếu phá quần âm.

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Năm bệnh II

Xuân lạnh hè nóng cứ quấy rầy nhau mãi, vừa về Hồng Lĩnh chốc đã mấy năm rồi! Buổi sáng soi gương thấy mình gầy và già đi. Đêm thanh vắng, cửa tre đóng kín, nằm rên rỉ. Bệnh cũ mười năm không ai thăm hỏi, tìm đâu ra thuốc tiên luyện chín lần? Ước gì vàng trắng xuất hiện ngay trước cửa, ánh sáng rọi xuống xua đuổi mọi bóng tối!

Dịch Thơ

Năm bệnh II

Hạ nồng xuân lạnh quấy rầy nhau,
Nằm ở non Hồng đã mấy lâu.
Sáng lạnh soi gương mình ốm sòm,
Đêm thanh đóng cửa giọng rên sầu.
Mười năm bệnh cũ không ai hỏi,
Chín luyện tiên đan biết kiếm đâu?
Mong được vàng trắng vào trước cửa,
Ánh dương xua sạch bóng âm u.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT055 Đối tửu

Phu tọa nhân song túy nhãn khai,
Lạc hoa vô số há thương đài.
Sinh tiền bất tận bôi trung tửu,
Tửu hậu thủy kiều mộ thượng bôi?
Xuân sắc niệm thiên hoàng điều khứ
Niên quang ám trục bạch đầu lai.
Bách kỳ dẫn đắc chung triêu túy,
Thế sự phù vân chân khả ai.

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa
Trước chén rượu

Ngồi xếp bằng tròn trước cửa sổ, rượu vào hơi say mắt lim dim, vô số cánh hoa rơi trên thảm rêu xanh.
Lúc sống không uống cạn chén rượu, chết rồi, ai rưới trên mồ cho? Sắc xuân thay đổi dần, chim hoàng oanh bay đi, năm tháng ngậm ngùi thúc đầu bạc. Cuộc đời trăm năm, chỉ mong say suốt ngày. Thế sự như đám mây nổi, thật đáng buồn.

Dịch Thơ
Trước chén rượu

Ngồi bên cửa sổ mắt mờ say,
Trên thảm rêu xanh hoa rụng đầy.
Sống đã không vui bầu rượu được,
Chết rồi ai rưới mộ mình đây?
Sắc xuân dần đổi, chim vàng lảnh,
Năm tháng ngậm xui tóc bạc dày.
Ước được trăm năm say khướt mãi,
Việc đời mấy nổi, nghĩ buồn thay!

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT056 Khai Song

Môn tiền yên cảnh cận như hà?
Nhàn nhật khai song sinh ý đa.
Lục nguyệt bồi phong bằng tỷ địa,
Nhất đỉnh tích vũ nghĩ di oa.
Thanh chiêm cựu vật khổ trần tích,
Bạch phát hùng tâm không đốt ta.
Tải bệnh thượng tu điều nhiếp lực,
Bất tri thu tứ đáo thủy gia?

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Mở cửa sổ

Phong cảnh trước nhà, nay như thế nào rồi?Nhàn rồi, mở cửa sổ ra xem, thấy mọi vật vẫn vui tươi, chim bằng cười gió bay lượn sáu tháng không nghỉ, sân đọng nước mưa kiến dờn tổ đi. Có chiếc nệm xanh là vật cũ, khur khur giữa mải, tóc bạc rồi, có hùng tâm cũng ngồi than thở suông mà thôi. Bệnh trở lại, phải lo điều dưỡng, không biếtý thu đến nhà ai?

Dịch Thơ

Mở cửa sổ

Trước nhà phong cảnh hiện nay sao?
Mở cửa nhìn xem sinh ý nhiều.
Sáu tháng gió đưa bằng đôi chỗ
Một sân mưa đọng kiến bò cao.
Nệm xanh vật cũ lo gìn giữ,
Tóc bạc lòng hằng luống ngẹn ngào.
Còn bệnh hãy nên lo chạy chữa,
Chẳng hay thu tứ đến nhà nào?

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT057 Lam giang

Thanh thần vọng Lam Giang,
Lam Giang trưởng thu thủy.
Ngư miết du khâu lãng,
Ngư mã mê nhai sĩ.
Dĩ ngạn băng bạo lôi,
Hồng đào kiến kỳ quỹ
Nguy hiểm thắng nhân tâm,
Khuyh phúc diệc thiên ý.
Ngã vọng Lam Giang đầu
Thốn tâm thường chuỷ thủy.
Thường khủng nhất thất tức,
Cốt một vô đề chỉ
Như hà thế giai nhân
Thừa yểm bất tri uỷ?
Khứ giả hà thoa thao!
Lai giả thượng vị dĩ
Đế đức bản hiếu sinh
Ná đắc trường như thị?
Nghĩ khu Thiên Nhận Sơn,
Điền bình ngũ bách lý.

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Sông Lam

Sáng sớm, nhìn ra sông Lam, mùa thu, nước lên to, cá giải bơi trên bờ, ngựa trâu lạc mất lối. Bờ sông lở ầm ầm như sấm, sóng dâng lên giống một bầy quỷ, thật nguy hiểm hơn lòng người! Sụt lở cũng do ý trời! Ta nhìn ra sông Lam, lòng những lo ngay ngáy, không mau sảy chân thì chìm ngihm xuống tận đáy sâu, thế mà sao người thế gian cứ xông pha nơi hiểm nghèo mà không biết sợ? Kẻ đi tới ào ào, người đi lại cũng không ngớt, trời vốn có đức hiếu sinh, sao dễ như vậy mãi? Muốn xô đẩy núi Thiên Nhận xuống lấp bằng năm trăm dặm dòng sông này!

Núi Thiên Nhận: dãy núi giáp giới hai huyện Hương Sơn (Hà Tĩnh) và Thanh Chương (Nghệ An), ngăn sông Phó và sông Lam. Nơi này là chỗ Nguyễn Thiệp (La Sơn Phu Tử) ở ẩn, cạnh thành Lục Niên của Lê Thái Tổ.

Dịch Thơ

Sông Lam

Sáng sớm ngắm sông Lam
Mùa thu nước sông lớn
Cá giải đùa bãi gò
Ngựa trâu lạc bờ bến
Bờ lở sấm vang ầm
Sóng xô quĩ lạ hiện
Nguy hiểm nản lòng người
Sụt lở ý trời khiến
Ta trông đầu sông Lam

Tắc lòng thường áy náy
Không may lỡ sẩy chân
Chìm chìm sâu tận đáy
Cớ sao người thế gian
Nguy hiểm không sợ hãi?
Người trước ào ào đi
Người sau ùn ùn tới
Lòng trời vốn thương người
Sao dễ như thế mãi
Muốn đem Thiên Nhận Sơn
Lấp bằng sông Lam lại.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

THTT058 Độ Long Vĩ giang

Cố quốc hồi đầu lệ,
Tây phong nhất lộ trần
Tài qua Long Vĩ thủy,
Tiện thị dị hương nhân.
Bạch phát sa trung hiện,
Ly hồng hải thượng văn.
Thân bằng tân khẩu vọng,
Vị ngã nhất triêm cân.

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa
Qua sông Long Vĩ

Ngoảnh nhìn quê hương, nước mắt rơi, gió tây thổi suốt dọc đường. Vừa qua sông Long Vĩ đã thành người đất khách. Đi giữa bãi cát, càng trông càng rõ mái tóc bạc, nghe chim hồng lìa đàn kêu ngoài biển, bạn bè thân thích đứng trên bên nhìn theo, ví ta mà nước mắt ướt khăn.

Long Vĩ giang: Chỉ khúc sông Lam gần quê hương nhà thơ. Sông Lam từ nguồn cho đến ngã ba phủ (Hưng Nguyên) có tên là Long Giang.

Dịch Thơ
Qua sông Long Vĩ

Quê nhà nhìn ứa lệ
Gió tây bụi thổi đầy.
Qua khỏi sông Long Vĩ,
Là đất khách quê người.
Tóc trắng in giữa bãi
Chim hồng kêu ngoài khơi.
Thân bằng trên bên ngóng,
Lệ nhớ đầm khăn tay.

Bản dịch: Nguyễn Thạch Giang

Xuân tiêu lữ thứ

Tiêu tiêu bông mấn lão phong trần,
Âm lý thiên kinh vật hậu tân.
Trì thảo (1) vị lan thiên lý mộng,
Đình mai dĩ hoán nhất niên xuân.
Anh hùng tâm sự hoang trì sính,
Danh lợi doanh trường lụy tiểu tần.
Nhân tự tiêu điều xuân tự hảo,
Đoàn thành thành hạ nhất triêm cân.

Thanh Hiên Thi Tập

(1) trì thảo: Tạ Linh Vận (385-433) nhà thơ nổi tiếng về thơ sơn thủy đời Tần, có em là Tạ Huệ Liên. Một hôm ngồi bên bờ ao, về ngủ chiêm bao được thấy Huệ Liên, nghĩ được câu thơ “trì đường sinh xuân thảo” (bờ ao sinh cỏ xuân). Ở đây, dùng điển này, ý nói: ngoài nghìn dặm vẫn nhớ anh em.

Nguyễn Du

Dịch Nghĩa

Bơ phờ mái tóc rối như cỏ bông, già cùng gió bụi,
Âm thầm lo sợ thấy cánh vật và thời tiết thay đổi.
Ngoài xa nghìn dặm, chưa tàn giấc mộng “cỏ bờ ao”,
Mai ở trên sân đã đổi qua một mùa xuân năm khác.
Tâm sự người anh hùng không còn nghĩ đến rong duỗi nữa,
Trong trường danh lợi nhiều phen cười và nhả mây.
Người cứ tiêu điều, xuân cứ đẹp,
Dưới Đoàn thành, nước mắt thấm khăn.

Đoàn thành: tức tỉnh thành Lạng sơn. Bài này được làm năm 1805 khi Nguyễn Du ra Lạng sơn đón sứ thần nhà Thanh.

Dịch Thơ

Đêm xuân đất khách

Phong trần dày dạn mái đầu phai,
Lặng lẽ thêm kinh sự chuyển dời.
Nghìn dặm mơ hoài ao cỏ mượt,
Một năm xuân đến gốc mai tươi.
Anh hùng đã mỏi đường rong ruổi,
Danh lợi còn mang lụy khóc cười.
Người cứ bơ phờ xuân cứ đẹp,
Thành Đoàn đứng ngắm, hạt châu rơi.

Bản dịch: Nhóm Lê Thước